PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 423 + 424)

Phụ lục IA. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

50. PHÂN VIỆN THÚ Y MIỀN TRUNG - VIỆN THÚ Y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5955	Vacxin phó thương hàn lợn con	Chủng phó thương hàn lợn	Lọ	5, 10, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng bệnh phó thương hàn cho lợn	TW IV-1
5956	Vacxin đậu gà	Chủng virus đậu gà	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh đậu cho gà	TW IV-2
5957	Vacxin dịch tả lợn	Virus dịch tả lợn chủng C	Lọ	10, 25, 50 liều (2ml đk)	Phòng bệnh dịch tả lợn	TW IV-3
5958	Vacxin tụ huyết trùng trâu, bò	VK tụ huyết trùng trâu, bò	Lọ	10, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng tụ huyết trùng trâu, bò	TW IV-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5959	Vacxin dịch tả vịt	Virus dịch tả vịt	Lọ	100, 250, 500, 1000 liều	Phòng bệnh dịch tả cho vịt	TW IV-5
5960	Vacxin Lasota	Virus Newcastle nhược độc	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-6
5961	Vacxin Newcastle	Virus Newcastle hệ I	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-7
5962	Vacxin tụ huyết trùng lợn	Vi trùng tụ huyết trùng lợn	Lọ	5, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng lợn	TW IV-8
5963	Vacxin tụ huyết trùng gia cầm	Vi trùng tụ huyết trùng gia cầm	Lọ	10, 20, 50 và 100 liều (1ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng cho gia cầm	TW IV-9
5964	Vacxin kép tụ huyết trùng - phó thương hàn lợn nhược độc	Chủng AvPs-3 Chủng W.H.Smith	Lọ	10, 25 liều (2ml ĐK)	Phòng bệnh tụ huyết trùng và phó thương hàn cho lợn	TW IV-24
5965	Vacxin Lasota chịu nhiệt	Chủng Lasota	Lọ	20 liều (5ml)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-25
5966	Kháng thể Gumboro-Newcastle	Lòng đỏ trứng chứa kháng thể Gumboro, Newcastle	Chai	50; 100ml	Phòng, trị Gumboro và Newcastle	TW IV-20
5967	Biosubstil	Bacillus subtilis	Gói	50; 100; 500g; 1; 10; 20; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, ổn định VSV đường ruột	TW IV-21
5968	Vaccine E.coli phù đầu lợn	E.coli F18	Lọ	10; 20; 50ml (1ml/liều)	Phòng bệnh phù đầu ở lợn	TW IV-22
5969	Vaccine THT dê, cừu	Pasteurella multocida	Lọ	10; 20; 50; 100ml (2ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng dê, cừu	TW IV-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5970	Dung dịch pha vắc xin	NaCl, H2O	Chai	10ml, 12ml, 25ml	Pha loãng vắc xin đông khô trước khi tiêm phòng cho gia súc, gia cầm	TW IV-26
5971	Vắc xin kép tụ huyết trùng - đóng dấu lợn nhược độc, đông khô	Vi khuẩn THT lợn nhược độc chủng AvPs3; vi khuẩn đóng dấu lợn nhược độc chủng Vr2	Lọ	10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng và đóng dấu lợn	TW IV-27
5972	Dung dịch pha tiêm	Mono sodium phosphate, Disodium hydrogen phosphate, Phenol red, Sodium chloride, sodium hydroxide	Chai	10; 12; 25; 40; 100; 500ml	Dung dịch pha vắc xin đông khô	TW IV-28
5973	Vắc xin nhũ hóa THT trâu, bò chủng Iran	Kháng nguyên Pasteurella multocida chủng Iran (vô hoạt)	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh THT trên trâu, bò	TW IV-29
5974	Lactobio I	Lactobacillus sporogenes; Lactobacillus kefir	Gói	100g	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	TW IV-30
5975	Bacilac I	Lactobacillus sporogenes; Bacillus subtilis	Gói	100g	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	TW IV-31
5976	Bacilac II	Lactobacillus sporogenes; Lactobacillus kefir; Bacillus subtilis	Gói	100g	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	TW IV-32

51. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y - THỦY SẢN HƯƠNG HOÀNG NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5977	Xanh Methylen 1%	Xanh Methylen	Lọ	10, 50, 100, 250ml	Sát trùng vết thương, vết nứt nẻ ở chân, vú, miệng cho trâu, bò, lợn	HHN-1
5978	Mỡ ghẻ	Tesyichloramide Na, Copper sulfate, Zinc sulfate, Parafin	Lọ nhựa	25; 50; 100g	Trị viêm da, xà mâu, hà móng, hoại tử trên gia súc, gia cầm	HHN-5

52. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y SAFA-VEDIC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5979	Hemolysa	Vit A, D_3, E, Lysin, Methionin, Zn, Cu, Fe, Mn	Gói, bao	100; 200; 500g; 1; 5; 9; 10; 15kg	Bồi dưỡng cho heo con, heo thịt, heo nái	SAFA-1
5980	Tetrazym	Tetracycline	Gói, bao	5; 100; 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 15kg	Kháng stress và ngừa bệnh thời tiết dùng cho heo, gà	SAFA-2
5981	Viosol ADE	Vitamin A, D_3, E	Gói, bao	5; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Thuốc tăng cường Vitamin ADE	SAFA-3
5982	Strepto-Tetrazym	Streptomicine, Tetracycline	Gói, bao, hộp	5; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị toi gà, heo, vịt	SAFA-6
5983	Safenzym	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, K	Gói, bao, hộp	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Phòng ngừa và điều trị Gumboro ở gà, vịt, cút	SAFA-10
5984	Menben	Mebendazol	Gói, bao, hộp	5; 10; 25; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Tiêu diệt giun sán cho heo, gà, vịt, chó. Trị bướu vịt	SAFA-12
5985	Vita C	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5g, 50g, 100g 500g; 1; 5; 10; 15kg	Ngừa và trị bệnh heo	SAFA-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5986	Amdo-C	Ampiciline, Doxycycline, Vitamin C	Gói, hộp, bao	5g,10g, 50g, 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa và bệnh thời tiết cho heo, gà, vịt	SAFA-16
5987	Neo-Sulfazym TCH	Neomycine Trimethroprym	Gói, hộp, bao	5; 10; 25; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị tiêu chảy dùng cho heo con	SAFA-17
5988	Trị ghẻ - TG	Penicilline	Lọ, chai	5; 10; 20; 25; 100; 500ml; 1 lít	Trị ghẻ, xà mâu, loét da của heo, gà, chó	SAFA-19
5989	Lactizym	Lactobacilus acidophilus	Gói, bao, hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Men tiêu hóa sống, ngừa tiêu chảy và E.coli	SAFA-21
5990	Tecôli	Norfloxacin	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100g, 200g, 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị E.coli heo, gà	SAFA-22
5991	Viosol ADE-Soda	Vit A, C, D_3, E, Sodium carbonat, Acid Citric	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg	Hòa tan sủi bọt chuyên dùng nuôi gà, vịt, cút	SAFA-24
5992	Neo Sulfazym	Neomycin, Trimethoprim	Gói, hộp	5g, 100g, 500g, 1kg	Trị cầu trùng gà, vịt, cút, heo. Trị Coccidi gà, phân trắng vịt	SAFA-32
5993	Safa-Canxi	Calcium gluconate	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị các bệnh thiếu canxi, bảo vệ mạch máu, làm tăng tốc độ đông máu, chống xuất huyết, phù thũng	SAFA-36
5994	Safa-AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vit A, D3, E	SAFA-37
5995	Safa-C20	Vitamin C	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C, bồi dưỡng thú khi bệnh	SAFA-38
5996	Saviod	Polyvinyl pyrrolidone-Iodine	Chai, can	10; 20; 40; 80; 100; 200; 500ml; 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 15; 20 lít	Sát trùng chuồng trại dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, bầu vú	SAFA-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5997	Sắt- Safa	Iron (Dextrancomplex), Vitamin B12	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con, thiếu máu do nhiễm trùng và ký sinh trùng hoặc do mất máu nhiều	SAFA-40
5998	Safa spira-60MI	Spiramycin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng phổi, đường ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm tĩnh mạch rốn, loét móng, viêm khớp trên trâu, bò, heo	SAFA-41
5999	Safa EN-5	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo; nhiễm trùng tiết niệu trên chó	SAFA-42
6000	Safa ADE Beco-C	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, B5, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo, chó, mèo	SAFA-43
6001	Safa-Fenicol 40	Florphenicol	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy, viêm da, viêm kết giác mạc mắt trên bò, heo	SAFA-44
6002	Safa-Coli 40MI	Colistin sulfate	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, heo, cừu, gia cầm	SAFA-45
6003	Safa T-Kisi	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nội ngoại KST trên bò, heo, cừu	SAFA-46
6004	Safa Dexa-0,2	Dexamethasone	Chai	20; 50; 100ml	Trị thú bị sốc, dị ứng, viêm, chứng máu thừa Axeton trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	SAFA-47
6005	Safa Anagin C	Analgin, Vitamin C	Chai	20; 50; 100ml	Trị cảm nắng, sốt cao, giảm đau, chướng bụng, đầy hơi trên trâu, bò, lợn, dê, chó, mèo	SAFA-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6006	Safa-Becozym	Vitamin B1, B2, B5, B6, PP	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Trị chứng thiếu Vitamin B1, rối loạn tăng trưởng, viêm ruột, viêm thần kinh, phòng tai biến da, niêm mạc hay tiêu hóa khi dùng kháng sinh trên trâu, bò, heo	SAFA-49
6007	Safa-AD3E Fort	Vitamin A, D3, E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên bò, ngựa, cừu, heo	SAFA-50
6008	Safa-Tiamulin	Tiamulin	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm khớp, viêm ruột non trên heo	SAFA-51
6009	Xiro-C	Vitamin C	Chai	20; 50; 100; 200ml	Tăng cường sức đề kháng trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	SAFA-52
6010	Safa-Sanla	Nitroxynil	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, giun tròn, giun móc trên trâu, bò, dê, cừu, chó, gà	SAFA-53
6011	Xiro-TCH Xanh	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gà	SAFA-54
6012	Xiro-TCH Vàng	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột, viêm rốn, nhiễm trùng máu, viêm cục bộ trên bê, nghé, heo, cừu, gia cầm, thỏ	SAFA-55
6013	Xiro-Coc 2	Sulfadiazin, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị cầu trùng, THT, TH, viêm dạ dày - ruột, viêm phổi trên bò, heo, cừu, gia cầm, thỏ	SAFA-56
6014	Safa Beco-Amin	Vitamin B1, B2, B5, PP, B6, B12, H, Choline chloride, Inositol, DL-Methionine, L-Lysine, Glycine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B và Axit amin trên bò, ngựa, heo, chó, mèo	SAFA-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6015	Safa Gluco-Lact	Sodium chloride, Sodium lactate, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrate, Dextrose	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trợ giúp trong việc trị liệu khi mất nước và rối loạn chất điện giải trên trâu, bò, ngựa, heo	SAFA-58
6016	Xiro-Specti	Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp mãn tính trên gia súc, gia cầm	SAFA-59
6017	Xiro-Coc-1	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị cầu trùng trên heo con	SAFA-60
6018	Xiro-Milus	Ca, Mg, Na, Fe, Zn, Cu, Mn	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Bổ sung khoáng bị thiếu hụt trên bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, thỏ	SAFA-61
6019	SAFA E-Terone	Progesterone, Vitamin E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, sinh non, xảy thai, loạn sản	SAFA-62
6020	SAFA-Tylan-20	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm móng, thối móng, viêm khớp trên trâu, bò, heo	SAFA-63
6021	SAFA EN-10	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo dạ dày - ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu	SAFA-64
6022	Safa-Amox15	Amoxicillin trihydrate, Aluminium	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu, da, vết thương trên trâu bò, ngựa, bê, cừu, dê, lợn, chó, mèo	SAFA-65
6023	Safa-Sep. 24	Trimethoprim, Sulfamethoxypyridazine	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, cừu, lợn	SAFA-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6024	SAFA-Penstrep	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, tụ huyết trùng, dấu son, lepto, viêm tử cung, viêm móng trên gia súc, gia cầm	SAFA-67
6025	SAFA-Amcoli	Ampicilline trihydrate, Colistine sulfate	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, niệu, sinh dục, máu, bệnh thương hàn, viêm teo mũi truyền nhiễm, hội chứng MMA, bệnh viêm vú trên gia súc	SAFA-68
6026	Safa dosol	Doxycycline HCL	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi, tụ huyết trùng do vi khuẩn nhạy cảm với doxyccycline gây ra trên trâu, bò, lợn	SAFA-69
6027	Safa-Linco-10	Lincomycine HCL	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị kiết lỵ, viêm khớp trên heo	SAFA-70
6028	Amox-SP	Amoxicillin Trihydrate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-71
6029	Tydo-SP	Tylosin tartrate; doxycycline hyclate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-72
6030	Doxy-SP	Doxycycline HCL	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-73
6031	SAFA-CE5	Ceftiofur HCl	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, cừu, chó, mèo	SAFA-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6032	Amoxcoli-SP	Amoxicillin, Colistin	Bao, gói	5; 10; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm cục bộ, nhiễm trùng thứ phát trên trâu bò, cừu, gia cầm	SAFA-74
6033	Safa - diệt muỗi	Permethrin	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1; 2 lít	Phòng và trị ve, bọ chét và xua đuổi muỗi, ruồi	SAFA-76

53. CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM THUỐC THÚ Y CNC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6034	CNC-IODINE	Povidine Iodine	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Sát trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	CNC-01
6035	CNC-Benkomax	Benzalkonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	100; 200; 500ml 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển	CNC-02
6036	CNC-Diluent R	Na2HPO4, NaH2PO4, NaCl, phenol red	Lọ	3; 5; 7; 10; 14; 15; 20; 34; 40; 50; 100; 200; 300; 500ml	Pha vắc xin thú y	CNC-03
6037	CNC-Diluent B	Na2HPO4, NaH2PO4, NaCl, Brilliant Blue	Lọ	3; 5; 7; 10; 14; 15; 20; 34; 40; 50; 100; 200; 300; 500ml	Pha vắc xin thú y	CNC-04
6038	Sinavet-01	Hạt nano Bạc	Chai	100; 500; 1000; 2000; 3000; 5000; 10000ml	Sát trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, vết thương, vết loét,…	CNC-05
6039	CNC Dog-01	Gamma globulin miễn dịch của chó	Lọ	1; 2; 5; 10; 15; 20; 50; 100ml	Phòng và hỗ trợ điều trị các bệnh truyền nhiễm của Chó gây ra do virus, vi khuẩn	CNC-06

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6040	CNC Pig-01	Gamma globulin miễn dịch của lợn	Lọ	5; 10; 15; 20; 50; 100ml	Phòng và hỗ trợ điều trị các bệnh truyền nhiễm của Lợn gây ra do virus, vi khuẩn	CNC-07

54. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6041	AMOX-CS	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	ANV-01
6042	AMPISUL	Ampiciilin tryhydrate, Sulfamethoxazole	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị tiêu chảy phân trắng ở heo con, tụ huyết trùng, phó thương hàn, CRD, viêm phổi, viêm xoang mũi, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng	ANV-02
6043	ANAL+C WS	Analgin, Vitamin C	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng, phòng bệnh cảm cúm do thay đổi thời tiết	ANV-03
6044	TYLO	Tylosin tartrate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, bệnh viêm phổi, lỵ trên heo	ANV-04
6045	TYSUL-T.T.S	Tylosin tartrate, Sulfadimidine sodium	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy u loét ruột trên heo	ANV-05
6046	COLI	Colistin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	ANV-06

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6047	SULTRIM	Sodium sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột, nhiễm trùng huyết do E.coli, viêm phế quản - phổi, viêm đa khớp, viêm rốn trên bê, heo, gia cầm	ANV-07
6048	SULCOX	Sodium sulfachloropyridazine	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh cầu trùng ruột non (gia cầm tiêu chảy phân có màng giả lẫn máu), ỉa chảy, thương hàn	ANV-08
6049	MYCOTIVET-WS	Tilmicosin phosphate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	ANV-09
6050	AMOXILIN	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị viêm phôi, viêm khớp, tiêu chảy, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ANV-10
6051	DOX-TYLO	Tylosine tartrate, Doxycycline hyclate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị viêm nhiễm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, cừu, lợn, gia cầm	ANV-11
6052	ANCOX	Sulfadimidine sodium, Diaveridine HCl	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh cầu trùng, ỉa chảy và thương hàn	ANV-12
6053	DOXIN-WS	Doxycycline hyclate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm	ANV-13
6054	ENFLOX WS	Enrofloxacine HCl	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	ANV-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6055	CETAMOL + C	Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Hạ sốt, giảm đau, trị cảm cúm, cảm lạnh, tăng sức đề kháng khi thời tiết thay đổi	ANV-15
6056	BERIN-S	Streptomycin sulfate, Berberin HCl	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy	ANV-16
6057	LINSPEC	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gia cầm	ANV-17
6058	FLOR	Florfenicol	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	ANV-18
6059	TOLTRAZU	Toltrazuril	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Phòng trị cầu trùng trên gia cầm	ANV-19
6060	DICLACOX	Diclazuril	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm, cừu, heo, thỏ	ANV-20
6061	FLORCOL	Florfenicol	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	ANV-21
6062	MYCOTIVET	Tilmicosin phosphate	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	ANV-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6063	MAXLOX	Enrofloxacine base	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trâu bò: điều trị các bệnh trên đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	ANV-23
6064	ALCOCOL	Neomycin sulfat, Colistin sulfat	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn, thỏ, gia cầm	ANV-24
6065	AN-DINE	Povidone Iodine	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát trùng tiêu độc chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	ANV-25
6066	CLEAN CID	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Thuốc dùng để tiêu độc, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc xác súc vật chết	ANV-26
6067	ENFLOX	Enrofloxacin base	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, các bệnh về khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	ANV-27
6068	SPIRACOL	Spiramycin adipate, Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	ANV-28
6069	MARBO	Marbofloxacine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	ANV-29
6070	FLOR-LA	Florphenicol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, đường hô hấp, viêm da	ANV-30
6071	Oxytocin	Oxytocin	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	ANV-31
6072	NP-Tetramisol	Levamisole	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	ANV-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6073	Oxolin 250	Oxolinic acid	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Thương hàn, tiêu chảy, tụ huyết trùng, sưng phù đầu	ANV-33
6074	Lincocin	Lincomycin HCL	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên trâu, bò, heo, gia cầm	ANV-34
6075	Wor-F	Ivermectin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	ANV-35
6076	A.C.L	Acid lactic	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị Nocema, ỉa chảy, ấu trùng phấn, chí lớn (Varoa), ve khí quản (tracheamites) trên ong mật	ANV-36
6077	A.C.F	Acid formic	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị Nocema, ỉa chảy, ấu trùng phấn, chí lớn (Varoa), ve khí quản (tracheamites) trên ong mật	ANV-37
6078	PHARMALIN-C	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	ANV-38
6079	PEN-STREP	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ANV-39
6080	TULAMYCIN	Tulathromycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	ANV-40
6081	AMOXCILIN-LA	Amoxicilline trihydrate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram dương và Gram âm gây ra	ANV-41
6082	COCCIVET	Diclazuril	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm, cừu, heo, thỏ	ANV-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6083	TYLAN-DOX	Tylosine tartrate, Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Tri viêm nhiễm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, gia cầm, cừu, lợn	ANV-43
6084	ATROPIN	Atropin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống co thắt giảm đau, viêm loét dạ dày - ruột non	ANV-44
6085	COX-STOP	Sulfachloropyridazine sodium	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị cầu trùng ruột non, ỉa chảy, thương hàn	ANV-45
6086	ALBENVASOL	Albendazol, Levamisol HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nội ký sinh cho gia súc, gia cầm	ANV-46
6087	AMOXI-LAV	Amoxicillin trihydrate, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm đường hô hấp, sinh dục - tiết niệu, hệ thống tiêu hóa	ANV-47
6088	SPIRALIN	Spiramycin adipate, Oxytetracyclin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phổi, hen suyễn nặng, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	ANV-49
6089	VIOCID-SPRAY	Oxytetracycline HCl	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị vết thương ngoài da, móng khớp	ANV-51
6090	KEFEN	Ketoprofen	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hỗ trợ điều trị bệnh nội khoa, sản khoa cũng như bệnh truyền nhiễm	ANV-52
6091	FTIFUR-LA	Ceftiofur HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, suyễn lợn, viêm vú, viêm tử cung, âm đạo, sát rau trên lợn, gia súc khác	ANV-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6092	COLIMOX	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột ỉa chảy do nhiễm khuẩn E.coli, Salmonella ở lợn, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	ANV-54
6093	ANFLUXIN	Flunixin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hỗ trợ điều trị các bệnh nội khoa, sản khoa cũng như bệnh truyền nhiễm	ANV-55
6094	DOX-FLOX	Doxycycline hyclate, Florfenicol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột,... ở heo, trâu, bò, dê, cừu	ANV-56
6095	BROMVET	Bromhexine HCl	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị các triệu chứng về rối loạn hô hấp, giảm cơn hen	ANV-57
6096	GENTA-TYLAN	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm	ANV-58
6097	FLO-DOX	Florfenicol, Doxycycline hyclate, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, sốt bỏ ăn không rõ nguyên nhân, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, sưng phù đầu	ANV-59
6098	GENTAMOX	Amoxycillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị E.coli, tiêu chảy, viêm ruột do vi khuẩn, bệnh đường hô hấp: viêm phổi, tụ huyết trùng, bệnh viêm phổi, màng phổi, Haemophilus	ANV-60
6099	TULAVET	Tulathromycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tulathromycin	ANV-61
6100	CEFUR	Ceftiofur sodium	Lọ, chai	1, 2, 3, 4, 5, 10, 20g	Trị E.coli, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp	ANV-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6101	PARADOL	Oxytetracycline HCl, Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng máu, ho, sổ mũi	ANV-63
6102	FLUVET	Flumequine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với flumequine	ANV-64
6103	AMOX-GENTA	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa	ANV-65
6104	CEPHAVET	Cephalexin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram (+), một số vi khuẩn Gram (-)	ANV-66
6105	TRIMECOL	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy do E.coli, thương hàn, viêm vú, viêm khớp, viêm tử cung	ANV-67
6106	DOX-COLI	Doxycycline hyclate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột do các sinh vật nhạy cảm với Docyxycline và Colistin	ANV-68
6107	DOX-NEO	Doxycycline hyclate, Neomycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, cừu, dê, heo, gia cầm	ANV-69
6108	HEPA-PRO	Sorbitol; Methionine; Lysine; Betaine	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Tăng cường chức năng gan, lợi mật, trị táo bón, phân, sống	ANV-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6109	LINCO-SPEC	Spectinomycin HCl, Lincomycin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin và Spectinomycin gây ra	ANV-73
6110	VITAMIN AD3E	Vitamin A; D3; E	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E	ANV-74
6111	NISTINVET	Nystatin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nấm phổi trên gia cầm, bệnh nấm miệng (tưa lưỡi), nấm diều (giãn to diều ở gia cầm do nấm Candida albicans)	ANV-75
6112	NORFLOX	Norfloxacin HCl, Ascorbic acid	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột: Escherichia coli	ANV-76
6113	TIAMULIN-WS	Tiamulin HF	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phế quản - phổi, viêm phổi do Mycoplasma, viêm vú và viêm tử cung	ANV-77
6114	T.T.S	Oxytetracyclin HCl, Tylosin tartrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp lợn, gia cầm	ANV-78
6115	COLITETRA	Oxytetracyclin HCl, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị tiêu chảy cấp tính và mãn tính. Các bệnh tiêu chảy do E.coli, Salmonella	ANV-79
6116	LEVAVET	Levamisol HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị giun đũa, giun xoăn, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc	ANV-80
6117	VITAMIN-A.D.E	Vitamin A ; D3; E	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin. Ngăn ngừa giảm trọng lượng vật nuôi trong thời gian bị stress	ANV-81

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6118	MULTIVITA	Vitamin A; D3; E; B1; B6; K3; C; Nicotinamide	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng, trị bệnh thiếu vitamin cho gia súc, gia cầm, suy nhược toàn thân	ANV-82
6119	TYLAN-LA	Tylosin tartrate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin ở gia súc, gia cầm	ANV-83
6120	OXYLIN-LA	Oxytetracyclin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị tụ huyết trùng, Lepto, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng rốn ở gia súc, gia cầm	ANV-84
6121	FERDEX	Iron dextran	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị và ngừa các bệnh thiếu máu, thiếu sắt ở heo con, dê, cừu, bê, nghé	ANV-85
6122	VITAMIN B12	Cyanocobalamin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B12, suy dinh dưỡng, nhiễm ký sinh trùng	ANV-86
6123	MECTIN-LA	Ivermectin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội ký sinh ở bê, nghé, thỏ, dê, cừu, heo, chó	ANV-87
6124	CALCI-FORT	Calcium gluconate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calci gây ra (sốt sữa, bai liệt sau sinh)	ANV-88
6125	COMPLEX-B	Vitamin B; B2; B6; B12; Nicotinamide D-panthenol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin nhóm B. Tăng cường sức kháng bệnh, chống stress, chống nhiễm trùng	ANV-89
6126	NORXACIN	Norfloxacin HCl	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu dục	ANV-91
6127	ANTRIM	Sulfadiazine, Trimethoprim	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, cừu, dê, gia cầm và heo	ANV-93

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6128	TRICOLI	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên dê non, cừu non, heo con	ANV-94
6129	OXYLIN	Oxytetracyclin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, gia cầm, cừu, heo	ANV-95

55. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NANO HỢP NHẤT APA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6130	APA CEFTIOFUR S	Ceftiofur HCl	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, heo	APA-01
6131	APA CEFTIOFUR P	Ceftiofur Na	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, heo	APA-02
6132	APA LINCO 10I	Lincomycin HCl	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị bệnh gây ra do vi trùng nhạy cảm với Lincomycin	APA-03
6133	APA LINCO P	Lincomycin HCl	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị bệnh gây ra do vi trùng nhạy cảm với Lincomycin	APA-04
6134	APA TYLOSIN 20I	Tylosin tartrat	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, viêm phổi, viêm vú trên bò, heo, gia cầm	APA-05
6135	APA TYLOSIN 20P	Tylosin	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên gia cầm. Đặc trị suyễn heo do Mycoplasma, các bệnh viêm thanh quản, phế quản, viêm phổi mãn tính	APA-06
6136	APA LINCO-SPEC I	Lincomycin HCl Spectinomycin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	APA-07

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6137	APA LINCO- SPEC P	Lincomycin HCl Spectinomycin	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm	APA-08
6138	APA AMOX-GEN S	Amoxycillin trihydrat Gentamicin sulfate	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm da, nhiễm trùng chân, móng trên trâu, bò dê, cừu, heo	APA-09
6139	APA AMOX P	Amoxycillin	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị các nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	APA-10
6140	APA FLO-DO I	Florfenicol Doxycycline	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ trên trâu, bò, heo, gia cầm	APA-11
6141	APA FLO-DO P	Florfenicol Doxycycline	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy, phó thương hàn	APA-12
6142	APA TULA I	Tulathromycin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên heo	APA-13
6143	APA COLIS P	Colistin sulfate Vitamin K3	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, viêm ruột tiêu chảy, hồng lỵ	APA-14
6144	APA AMOX-COLIS P	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, thương hàn, trên bê, ngựa con, dê, cừu, gia cầm	APA-15
6145	APA TOLTRA 5S	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	APA-16
6146	APA TOLTRA 2,5S	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị cầu trùng trên gia cầm	APA-17
6147	APA ELECTROLYTES P	Vitamin C Calci lactat Natri citrat KCl NaCl	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng, cung cấp chất điện giải cho cơ thể trong trường hợp mất nước do tiêu chảy, chống nóng, bị stress cho gia súc và gia cầm	APA-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6148	APA AMGENB P	Gentamicine Amoxycilline Berberin	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị viêm ruột, viêm dạ dày, tiêu chảy	APA-19
6149	APA ANTISTRESS P	Vitamin C	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng cho cơ thể, tránh stress do thay đổi thời tiết, thức ăn, do vận chuyển, làm việc nặng nhọc	APA-20
6150	APA ENRO 5I	Enrofloxacin	Chai	20ml , 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và tiết niệu	APA-21
6151	APA ENRO 10I	Enrofloxacin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và tiết niệu	APA-22
6152	APA MARBO 10I	Marbofloxacin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	APA-23
6153	APA OXYTOCIN I	Oxytocin	Chai	2ml	Kích thích co bóp cơ trơn tử cung lúc sinh đẻ, tránh trường hợp sót nhau, hỗ trợ đẻ khó	APA-24
6154	APA ENRO 10P	Enrofloxacin Vitamin C	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	APA-25
6155	APA NORFLOX 10P	Norfloxacin Vitamin C	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, viêm khí quản, tụ huyết trùng trên gia súc, gia cầm	APA-26
6156	APA AMOX 15S	Amoxycillin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa, viêm da, viêm khớp, nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia súc	APA-27
6157	APA AMOX-COLIS S	Amoxycillin Colistin sulfate	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, niệu - sinh dục trên trâu, bò, heo	APA-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6158	APA COTRIM 24 I	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị viêm ruột, viêm dạ dày, bệnh do E.coli, bệnh thương hàn, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm vú, viêm phổi	APA-29
6159	APA CALCI-BS S	Tricalcium phosphat Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E	Chai	250ml, 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Calci, Vitamin A, D, E	APA-30
6160	APA OXYTETRA 10I	Oxytetracycline	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm xoang, dấu son, bệnh Lepto, viêm ruột tiêu chảy, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm rốn	APA-31
6161	APA OXYTETRA 10P	Oxytetracycline	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, lỵ trên lợn, gà	APA-32
6162	APA LEVA 10I	Levamisol	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị giun trên trâu, bò, heo	APA-33
6163	APA FENBEN 10P	Fenbendazole	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị giun, sán trên gia cầm, gia súc	APA-34
6164	APA PRAZI P	Praziquantel	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị giun, sán ký sinh trên gia cầm, gia súc	APA-35
6165	APA IVE NITRO I	Ivermectin Nitroxinil	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị giun, sán, giòi, rận, ve mạt trên trâu, bò, cừu	APA-36
6166	APA IVE I	Ivermectin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, chó	APA-37
6167	APA SULFA PYRI P	Sulfadoxin Pyrimethamin	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên gà	APA-38
6168	APA PERIN 50L	Permethrin	Chai	500ml, 1 lít, 2 lít	Trị ve, mạt, bọ chét, rận, ghẻ, muỗi, dĩn, kiến, gián trên trâu, bò	APA-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6169	APA PERIN 5L	Permethrin	Chai	100ml, 200ml	Trị ve, mạt, bọ chét, rận, ghẻ trên chó, mèo	APA-40
6170	APA CALCI B12I	Calcium gluconat Acid boric Mg carbonat Vitamin B12	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị bệnh do thiếu Calci, Mg trên trâu, bò, heo	APA-41
6171	APA CALCI-ADE P	Monocalcium phosphat Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị bệnh thiếu calci trên bò, heo	APA-42
6172	APA BUTAVIT I	Butafosfan Vitamin B12	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Tăng cường sức đề kháng, nâng cao khả năng phục hồi, còi cọc, biếng ăn trên trâu, bò, dê, heo	APA-43
6173	APA FER-B12I	Fe Dextran Vitamin B12	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên bê, nghé, heo	APA-44
6174	APA VITAMIX P	Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E Vitamin K3 Vitamin B1 Vitamin B2 Vitamin B6 Vitamin B12 Vitamin PP Biotin Folic acid Fe hữu cơ	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, khoáng thiết yếu trên gia súc, gia cầm	APA-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		Cu hữu cơ Zn hữu cơ KI Co hữu cơ Mg hữu cơ Mn hữu cơ Se sodium				
6175	APA VITACOMPLEX I	Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E Vitamin B1 Vitamin B2 Vitamin B6 Vitamin PP	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, tăng sức đề kháng, giảm stress	APA-46
6176	APA TERRA-EGGS P	Oxytetracycline HCL Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E Vitamin K3 Vitamin B2 Vitamin B5 Vitamin B12 Vitamin PP	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracycline gây ra ở gia cầm	APA-47
6177	APA VITAJECT I	Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng và trị các chứng thiếu Vitamin A, D, E, trị chứng vô sinh, tăng tỷ lệ thụ thai, sức đề kháng	APA-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6178	APA SOLUVITA P	Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E Vitamin K3 Vitamin B1 Vitamin B2 Viatmin B5 Vitamin B6 Vitamin B12 Vitamin PP Vitamin C Biotin Folic acid Methiolin Lysine Cholin	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị bệnh do thiếu vitamin, acid amin trên gia súc, gia cầm	APA-49
6179	APA C-20I	Vitamin C	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Tăng cường sức đề kháng, chống stress	APA-50
6180	APA VITA PLUS P	ZnSO4 Vitamin A Vitamin D3 Vitamin E	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Trị bệnh về da, còi cọc, viêm móng trên bò, heo, gia cầm	APA-51
6181	APA ANALGIN 30I	Analgin	Chai	20ml, 50ml, 100ml	hạ sốt, giảm đau trên gia súc, heo	APA-52
6182	APA DEXA I	Dexamethasone Na phosphat	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Kháng viêm, chống dị ứng	APA-53
6183	APA dịchLO I	Paracetamol Diclofenac	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau trên trâu, bò, heo	APA-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6184	APA ANAL-C I	Analgin Vitamin C	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Hạ sốt bị sốt, trợ sức, giảm đau trên gia súc	APA-55
6185	APA PROME I	Promethazine	Chai	50ml, 100ml	Chống dị ứng, giảm ho trong hội chứng viêm hô hấp cấp trên heo	APA-56
6186	APA CAFFEIN I	Caffein	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị suy nhược tim, loạn nhịp tim, viêm cơ tim cấp tính	APA-57
6187	APA COLIS 40P	Colistin sulphate	Gói, bao	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1000g, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị và phòng ngừa bệnh tiêu chảy gây ra bởi các vi khuẩn gram (-), vi khuẩn nhạy cảm với, Colistin như Escherichiacoli, Pseudomonasaeruginosa, Salmonella và Shigella spp trên gia súc gia cầm	APA-58
6188	APA COLIS 10P	Colistin sulphate	Gói, bao	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1000g, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị và phòng ngừa bệnh tiêu chảy gây ra bởi các vi khuẩn gram -, vi khuẩn nhạy cảm với Colistin như Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa, Salmonella và Shigella spp, trên gia súc gia cầm	APA-59
6189	APA AMOX 50P	Amoxicilline trihydrate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh viêm nhiễm do những vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra như: E.coli, Salmonella spp, Pasteurella spp, các chứng viêm phổi, viêm đường hô hấp, viêm khớp ở gia súc gia cầm	APA-60
6190	APA AMOX 10P	Amoxicilline trihydrate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh viêm nhiễm do những vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra như: E.coli, Salmonella spp, Pasteurella spp, các chứng viêm phổi, viêm đường hô hấp, viêm khớp ở gia súc gia cầm	APA-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6191	APA DOXY 50P	Doxycycline hydrate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh mãn tính đường hô hấp (CRD) do Mycoplasma gây ra ở gia cầm, các chứng viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm đường sinh dục ở gia súc	APA-62
6192	APA TIAMULIN 10P	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị và phòng bệnh CRD do Mycoplasma gây ra, viêm xoang mũi ở gia cầm, bệnh viêm phổi kết hợp suyễn, hồng lỵ	APA-63
6193	APA FLOFE 10P	Flofenicol	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa và các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên heo	APA-64
6194	APA FLOFE 4P	Flofenicol	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa và các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên heo	APA-65
6195	APA TYLO 10P	Tylosine tartrate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng do vi sinh vật gây bệnh nhạy cảm với Tylosin: CCRD, suyễn heo, kiết lỵ, viêm xoang, khẹc vịt…	APA-66
6196	APA TYLO 12,5P	Tylosine tartrate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng do vi sinh vật gây bệnh nhạy cảm với Tylosin: CCRD, suyễn heo, kiết lỵ, viêm xoang, khẹc vịt…	APA-67
6197	APA TYLO 20P	Tylosine tartrate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng do vi sinh vật gây bệnh nhạy cảm với Tylosin: CCRD, suyễn heo, kiết lỵ, viêm xoang, khẹc vịt	APA-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6198	APA ENRO 20P	Enrofloxacin HCL	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị viêm phổi E.coli, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy, sưng phù đầu ở gia súc gia cầm	APA-69
6199	APA TIAMULIN 50P	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị và phòng bệnh CRD do Mycoplasma gây ra, viêm xoang mũi ở gia cầm, bệnh viêm phổi kết hợp suyễn, hồng lỵ	APA-70
6200	APA TILMICO 10I	Tilmicosin phosphate	Lọ	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị các bệnh về đường hô hấp như viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi dính sườn, viêm thanh khí quản, viêm xoang mũi, họng. Điều trị chứng hen ghép phức hợp (ORT) nở gia cầm, chứng khẹc vịt, bệnh CRD, bệnh CCRD	APA-71
6201	APA TILMICO 20L	Tilmicosin phosphate	Lọ	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị các bệnh về đường hô hấp như viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi dính sườn, viêm thanh khí quản, viêm xoang mũi, họng. Điều trị chứng hen ghép phức hợp (ORT) ở gia cầm, chứng khẹc vịt, bệnh CRD, bệnh CCRD	APA-72
6202	APA TILMICO 20P	Tilmicosin phosphate	Gói	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1000g	Điều trị các bệnh về đường hô hấp như viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi dính sườn, viêm thanh khí quản, viêm xoang mũi, họng. Điều trị chứng hen ghép phức hợp (ORT) ở gia cầm, chứng khẹc vịt, bệnh CRD, bệnh CCRD	APA-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6203	APA COLIS 10L	Colistin sulphate	Lọ	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị và phòng ngừa bệnh tiêu chảy gây ra bởi các vi khuẩn gram, vi khuẩn nhạy cảm với Colistin như Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa, Salmonella và Shigella spp, gia súc gia cầm	APA-74
6204	APA CLORPROST I	Cloprostenol	Lọ	5ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Chữa chậm, không động dục do lưu tồn thể vàng. Cho đẻ theo yêu cầu. Gây động dục hàng loạt. Tống thai chết ra ngoài khi mắc bệnh tai xanh. Pha tinh dịch để tăng đậu thai, đẻ nhiều	APA-75
6205	APA AMOXGEL 10S	Amoxicilline trihydrate	Lọ, tuýp	2ml, 5ml,10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, sinh dục, tiết niệu, tiêu hóa	APA-76
6206	APA TOLFE 8I	Tolfenamic acid	Lọ	5ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Kết hợp với kháng sinh làm tăng hiệu quả trong điều trị. Giảm đau chống viêm trong những bệnh nhiễm trùng hoặc viêm vú cấp tính	APA-77
6207	APA PENSTREP 20S	Penicillin Procain, Dihydro, Streptomycin Sulfate	Lọ	10ml, 20ml, 50ml, 100ml, 200ml	Điều trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, tụ huyết trùng, dấu son, Lepto, viêm tử cung, đau móng, viêm vú	APA-78
6208	APA TYLOGEN I	Gentamycin sulphate, Tylosin tartrate	Lọ	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Trị viêm phổi, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm vú, viêm tử cung	APA-79
6209	APA FLOFE 20I	Flofenicol	Lọ	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị hiệu quả các bệnh đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên gia súc	APA-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6210	APA BETTER SKIN	Chlorhexidine digluconate, Miconazole nitrate	Lọ	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Phòng trị các bệnh da lông rất thường xảy ra trên thú cưng như: Nấm da, viêm nang lông, viêm da,... gây ngứa ngáy, tổn thương da	APA-81
6211	APA FLO 200I	Flofenicol	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị hiệu quả các bệnh đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên gia súc	APA-82
6212	APA GENTA 10I	Gentamycin	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị bệnh viêm nhiễm gây bởi vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin như: viêm phổi, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	APA-83
6213	APA GENTYLO I	Gentamycin, Tylosine	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp: CRD, viêm phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng. Các bệnh đường tiêu hóa: Viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn; bệnh đường sinh dục, viêm vú, viêm tử cung	APA-84
6214	APA Flo 40I	Flofenicol	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Đặc trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột, viêm đường tiết niệu ở gia súc	APA-85
6215	APA SPECTYLO I	Spectinomycin, Tylosin	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, thối móng, viêm tử cung, nhiễm trùng, sưng phù đầu trên gia súc, gia cầm	APA-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6216	APA TYLOTHI I	Thiamphenicol, Tylosine tartrate	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều trị các dạng viêm phổi: viêm phế quản, ho khan, ho đau, thở khó. Các bệnh đường tiêu hóa: viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ. Viêm tử cung, mất sữa, viêm thối móng cho trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	APA-87
6217	APA CEFQUI 75S	Cefquinome sulphate	Chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Đặc trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú cấp tính, đau móng, viêm da, nhiễm trùng huyết do E.coli ở gia súc	APA-88
6218	APA AMPICOLI P	Ampicillin, Colistin sulphate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, sưng phù đầu, tụ huyết trùng ở gia súc gia cầm	APA-89
6219	APA COLISGEN P	Colistin sulphate, Gentamycin sulphate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị tiêu chảy, phó thương hàn, viêm dạ dày, ruột ở gia súc; Bệnh phân trắng, phân xanh ở gia cầm	APA-90
6220	APA DOXYGEN P	Doxycycline hydrate, Gentamycin sulphate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa. Bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm xoang, sổ mũi, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy do E.coli, salmonella	APA-91
6221	APA COLISDO P	Doxycycline HCL, Colistin sulphate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Colistin gây ra: Mycoplasma hyopneumoniae, Pasteurella, E.coli, Salmonella, CRD, CCRD, Coryza, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	APA-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6222	APA TYLODO P	Doxycycline hydrate, Tylosine tartrate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp gây ra bởi Mycoplasma. Các bệnh viêm phế quản phổi, bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm xoang mũi truyền nhiễm, sổ mũi, tụ huyết trùng ở gia súc gia cầm	APA-93
6223	APA STREPOXY P	Streptomycine (sulphate), Oxytetracycline (Chlorhydrate)	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin và Oxytetracycline: hô hấp mãn tính, viêm ruột, tụ huyết trùng, tiêu chảy, thương hàn ở gia súc, gia cầm	APA-94
6224	APA TYLOGEN P	Gentamycin, Tylosine tartrate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phòng và điều trị bệnh đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phổi, bệnh hen suyễn do Mycoplasma, bệnh hô hấp mãn tính, viêm khớp, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy, thương hàn, kiết lỵ, bệnh đường tiết niệu, sinh dục ở gia súc gia cầm	APA-95
6225	APA AMPIGEN P	Gentamycin, Ampicillin sodium	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy phân trắng hay vàng do E.coli gây ra, bệnh thương hàn, thối chân, viêm khớp ở gia súc gia cầm	APA-96
6226	APA LINCOAM P	Ampicillin sodium, Lincomycin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đường hô hấp như viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, thối móng…	APA-97

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6227	APA NEOTIN P	Neomycin, Nystatin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị và phòng ngừa các bệnh nhiễm nấm: nấm phổi, nấm miệng, nấm diều, nấm đường ruột và các trường hợp bội nhiễm vi khuẩn, tiêu chảy do dùng kháng sinh lâu ngày	APA-98
6228	APA TIAMULIN 80P	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị và phòng bệnh CRD do Mycoplasma gây ra, viêm xoang mũi ở gia cầm, bệnh viêm phổi kết hợp suyễn, hồng lỵ	APA-99
6229	APA DOXYCO P	Doxycycline, Colistin	Chai	2,2g	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp: suyễn heo, viêm phổi, viêm khí quản, hô hấp mãn tính ở gà (CRD). Đặc trị TỤ HUYẾT TRÙNG ghép THƯƠNG HÀN, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy do E.coli, sưng đầu do Haemophilus ở vịt. Kết hợp tiêu chảy với các bệnh viêm phổi, nhiễm trùng huyết ở gia súc non	APA-100
6230	APA AMPIKA P	Ampicilline, Kanamycin	Chai	1,2g	Đặc trị các bệnh như: Tụ huyết trùng, phó thương hàn, và các bệnh ở đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ghép trên gà, vịt biểu hiện như: vịt bị bại liệt, sưng phù đầu, mắt	APA-101
6231	APA PENSTREP 40P	Penicillin, Dihydrostreptomycin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg,	Điều trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, tụ huyết trùng, dấu son, Lepto, viêm tử cung, đau móng, viêm vú	APA-102

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6232	APA DICLA 0,5P	Diclazuril	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Phòng trị bệnh cầu trùng trên gà và gà tây	APA-103
6233	APA SALINO 12P	Salinomycin sodium	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên gà và gà tây	APA-104
6234	APA Colisty P	Tylosine, Colistin, Vitamin (A, D, E, B1, B2, B5, B6, B12, PP, K)	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp mãn tính (CRD), viêm ruột tiêu chảy trên gia cầm. Bổ sung các vitamin giúp hồi phục nhanh	APA-105
6235	APA MINORIC	Phospho (P205) Calcium phosphate monobasic, Magnesium phosphate monobasic. Sodium phosphate monobasic. Manganese phosphate monobasic. Zinc phosphate monobasic.... Cupric phosphate, Cobalt phosphate monobasic	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml	Điều chỉnh sự mất cân bằng của canxi, phốt pho, sự thiếu hụt các khoáng chất, vi lượng đưa đến chứng còi cọc, xốp xương, yếu chân, bại liệt, dễ bị đột tử,….	APA-106

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6236	APA Piglemi P	Vitamin A, B5, D, B6, E, PP, B1, 12	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Bổ sung Vitamin tăng cường sức đề kháng, chống stress, nâng cao khả năng tăng trưởng trên gia súc gia cầm	APA-107
6237	APA Pipromi P	Vitamin A; D3; E; C; B1; B2; B5; B6 PP; Folic Acid; Methionin; L-Lysin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Bổ sung Vitamin tăng cường sức đề kháng, chống stress, nâng cao khả năng tăng trưởng trên gia súc gia cầm	APA-108
6238	APA Bavimix	Vitamin A; D3; E; C; B1, B2; B5; B6 PP	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, giúp tiêu hóa tăng trọng, tăng sức đề kháng	APA-109
6239	APA MONEN 20 P	Monensin sodium	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên gà và gà tây	APA-110
6240	APA MADURA 1 P	Maduramicin ammonium	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Để phòng ngừa và kiểm soát bệnh cầu trùng ở gà thịt và gà đẻ	APA-111
6241	APA Amino	Arginine; Histidine; Isoleucine, Leucine; Lysine; Methionine, Phenylalanine; Threonine, Tryptophan; Valine	Lọ, can	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1000ml, 5 lít	Cung cấp các acid amin thiết yếu. Nâng cao đề kháng, giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh. Chống còi cọc, suy nhược. Tăng khả năng sinh sản	APA-112
6242	APA COLIS P	Colistin sulphate, Vitamin K3	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh do các vi khuẩn gây ra trên gia cầm, gia súc: Tiêu chảy, viêm ruột, nhiễm khuẩn do Coli, Salmonella, Pasteurella	APA-113

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6243	APA COTRIM P	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg,	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu và các nhiễm trùng thông thường khác trên bê, lợn, chó, gia cầm	APA-114

56. CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN QUÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6244	TRỊ CẢM CÚM	Paracethamol, Oxytetracycllin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng, trị bệnh cảm cúm và các bệnh do thay đổi thời tiết	THQ-01
6245	CEPHA-OXY	Oxytetracycllin, Cefalexin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị phó thương hàn, viêm ruột, sưng khớp trên gia súc, gia cầm	THQ-02
6246	COLISTIN TETRA	Oxytetracycllin, Colistin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	THQ-03
6247	FLORFENAMIN (HORMIN C)	Florfenicol, Vitamin C	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	THQ-04
6248	NEOXY (NEOTETRA)	Neomycin sulfate, Oxytetracycllin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, phế quản, viêm xoang, CRD trên lợn, bê, nghé, ngựa, cừu, thỏ, lợn, gia cầm	THQ-05
6249	TERRAMYCIN	Oxytetracycline	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm, lợn, bê, cừu	THQ-06
6250	AMOX + TYLOSIN	Amoxcicllin, Tylosin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu sinh dục trên heo, gia cầm	THQ-07
6251	DOXYCYCLIN	DoxycyclinHCL	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycllin trên gia súc, gia cầm	THQ-08

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6252	COLISTIN	Colistin sulfate	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với colistin trên gia súc, gia cầm	THQ-09
6253	ENROFLOXACIN HCL	Enrofloxacin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	THQ-10
6254	OXYTETRACYCLLIN	Oxytetracyclline	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycllin trên gia súc, gia cầm	THQ-11
6255	AMOXICILLIN TRIHYDRATE	Amoxcicllin trihydrate	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nhiễm trùng thứ phát sau khi bị nhiễm virus trên lợn, gà	THQ-12
6256	FLORFENICOL	Florfenicol	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn, gia cầm	THQ-13
6257	COLOAMOX	Amoxcicllin, Colistin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng niệu sinh dục	THQ-14
6258	C-DOX	Doxycyline, Vitamin B1, C	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị ỉa chảy, kiết lỵ, viêm phổi, phế quản, viêm nhiễm thứ phát, viêm khớp, dạ con	THQ-15
6259	TY-CO	Colistin sulfate, Tylosin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	THQ-16
6260	IVERMECTIN	Ivermectin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng ngừa và điều trị nội - ngoại ký sinh trùng trên heo	THQ-17
6261	CEFACOLIS	Colistin sulfate, Cefalexin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên gia súc, gia cầm	THQ-18
6262	BACTRIMFORT	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfamethoxazole	THQ-19
6263	ANA-C	Analgin, Vitamin C	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giải nhiệt, hạ sốt	THQ-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6264	AMPISEPTRYL	Ampicicllin, Sulfamethoxazole	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicicllin và Sulfamethoxazole	THQ-21
6265	AMPI COLI	Ampicicllin, Colistin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy, kiết lỵ, thương hàn	THQ-22
6266	TETRA-COLIVET	Oxytetracycllin, Colistin, Vitamin A, D3, E, B1, B6	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm hô hấp mãn tính (CRD), nhiễm trùng E.coli trên gia cầm	THQ-23
6267	DOXYCIN	Gentamycin ,Doxycyline	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, gia cầm, cừu và lợn	THQ-24
6268	PARAVET	Paracethamol	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Hạ sốt	THQ-25
6269	T.T.S FORT	Sulfa dimidin, Tylosin, Vitamin C	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, đường tiêu hóa tiết niệu - sinh dục trên gia súc, gia cầm	THQ-26
6270	AMPICILLIN TRIHYDRATE	Ampicicllin trihydrate	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với ampicicllin gây ra trên gia súc, gia cầm	THQ-27
6271	TERRA STREPTO	Streptomycin, Oxytetracycllin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin và Oxytetracycllin	THQ-28
6272	TYDOXIN	Tylosin, Doxycyline	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, heo, gia cầm	THQ-29
6273	ĐẶC TRỊ TIÊU CHẢY	Colistin sulfate, Berberin	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	THQ-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6274	LEVAMISOL	Levamisol	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh ký sinh trùng đường ruột	THQ-31
6275	ENRO- C	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, các bệnh gây do vi khuẩn Gram (-), Gram (+) trên gia cầm	THQ-32
6276	ĐẶC TRỊ TIÊU CHẢY					
6277	DOXY COLI	Colistin sulfate, Doxycyline	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, dê, gia cầm, cừu và lợn	THQ-33
6278	FLODOX	Florfenicol, Doxycyline	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú trên gia súc, gia cầm	THQ-34

57. CÔNG TY CỔ PHẦN TOPCIN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6279	TC5 Plus	Quaternary ammonium compounds, Glutaraldehyde	Chai, can, bình	60; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Diệt vi khuẩn, virus gây bệnh	TOP-1
6280	Povidine 10%	P.V.P Iodin	Chai, can, bình	60; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước uống	TOP-2
6281	Top-Finil spray	Fipronil	Chai	100; 200; 300; 500ml	Diệt ve, rận, bọ chét, ghẻ trên chó, mèo	TOP-3
6282	Top-Pet Green	Permethrin	Chai	100; 200; 300; 500ml	Diệt ve, rận, bọ chét trên chó, mèo	TOP-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6283	Top-Pet Pink	Amitraz, Ketoconazole	Chai, tuýp	100; 200; 300; 400; 450; 500; 600; 700; 800; 900ml; 1l	Phòng và trị ghẻ, bọ chét, nấm trên chó, mèo	TOP-5
6284	Sak-Benkomax	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride, Amyl acetate	Chai, can	60; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Tiêu độc, khử trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, xác súc vật chết	TOP-7
6285	Sak-Povidine 10%	PVP Iodine, Glycerin	Chai, can	60; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, khử trùng ngoài da, vết thương, bầu vú, khử trùng nước	TOP-8

B. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT GIA CÔNG

1. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y SÀI GÒN

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN INTER PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6286	Tylosin 500	Tylosin tartrate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, ỉa chảy, bại huyết, viêm phổi, viêm vú, khớp…	HCM-X9-1
6287	Colistin	Colistin sulfat	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa, tiêu chảy ở gia súc non, cầu trứng	HCM-X9-2
6288	Ampicolistin	Ampicillin, Colistin sulfat, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng, nhiễm khuẩn, THT, phân trắng	HCM-X9-3
6289	Colistylan	Colistin sulfat, Tylosin tartrate	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do E.coli, viêm ruột, nhiễm trùng máu Gram (-)	HCM-X9-4
6290	Septotryl 24%	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng viêm ruột, dạ dày, sinh dục, phế quản, tủy xương, màng não	HCM-X9-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6291	Tetramycin D	Tetracyclin HCl, Dexamethasone	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, vú, khớp, THT, đóng dấu, tiêu chảy, nhiễm trùng sau giải phẫu…	HCM-X9-6
6292	Erytrasone	Erythromycin, Tetracyclin, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột ở gia súc, gia cầm	HCM-X9-7
6293	Ravitfor	Vitamin B1, B6, B12, PP, Ca.gluconat	Ống, lọ	2, 20, 50ml	Trị bệnh tiếu canxi, và vịt nhóm B. Kích thích tăng trưởng cho gia súc, gia cầm	HCM-X9-8
6294	Ascorvit	Vitamin C	Ống, lọ	5ml, 20, 50, 100ml	Trị suy nhược cơ thể, sốt, chảy máu cam, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X9-9
6295	Analgin	Analgin	Ống, lọ	2ml, 20, 50, 100ml	Hạ sốt, giảm đau, phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng…	HCM-X9-10
6296	Cortico.F	Dexamethasone	Ống, lọ	5ml, 20, 50, 100ml	Chống viêm, dị ứng, sốc và stress	HCM-X9-11
6297	Lincotin	Lincomycin, Colistin sulfate	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X9-12
6298	B Complex Fort	Vitamin B1, B2, B6, PP	Ống, lọ	2, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh suy dinh dưỡng, còi cọc, phù thũng, thiếu máu, bại liệt	HCM-X9-13
6299	ADE B Complex	Vitamin A, D, E, B1, B2, B5, B6, PP	Lọ	20, 50, 100ml	Kích thích tăng trọng, tăng mức sinh sản, phòng và trị các bệnh thiếu Vitamin	HCM-X9-14
6300	Thiam. TDB Fort	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú, tắc sữa, viêm thận, thối móng, kiết lỵ	HCM-X9-15
6301	Đặc trị toi - thương hàn	Oxytetracycline, Vitamin B2	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị các bệnh hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, cầu trùng	HCM X9-17
6302	Tetramycin 500	Oxytetracycline, Vitamin A, D3, E	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị và ngừa bệnh hô hấp mãn tính CRD viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, cầu trùng	HCM X9-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6303	Dotyline WS	Doxycycline, Tylosin	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X9-20
6304	Dimolin	Colistin sulfate, Amoxycilline	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X9-21
6305	Doxycol WS	Doxycycline, Colistin sulfate	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên gia cầm	HCM-X9-24
6306	Tetra ADE	Oxytetracycline, Vitamin A, D, E	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa cho heo, gà, vịt	HCM X9-26
6307	Tiacycline WS	Tiamulin, Oxytetracycline	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	HCM-X9-28
6308	Doxylin	Doxycycline	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm khớp, suyễn heo, viêm phổi, cuống phổi, viêm ruột trên trâu, bò, heo	HCM-X9-30
6309	Amox Coli	Amoxycilline, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường tiêu hóa trên trâu, bò, heo...	HCM-X9-31
6310	Flumeson 100	Flumequine	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X9-32
6311	E.C.P	Estradiol-Benzoat	Lọ	4ml	Kích thích phát triển dạ con âm đạo, buồng trứng, kích dục, khó thụ thai	HCM-X9-33
6312	Vitamin B1	Vitamin B1	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bại liệt, phù nề suy nhược, viêm dây thần kinh, kích thích thèm ăn	HCM-X9-34
6313	Anflox 10%	Norfloxacin	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, viêm ruột, đường hô hấp tiết niệu	HCM-X9-35
6314	Thiamtesone Fort	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexamethasone	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng cấp tính, kinh niên, viêm khớp, viêm phổi, phế quản, ruột vú, CRD….	HCM-X9-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6315	Lincotin WS	Lincomycin, Colistin sulfate	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X9-38
6316	Streptotetrasulfa	Oxytetracycline, Vitamin B2	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, cầu trùng ở gia súc, gia cầm	HCM X9-39
6317	Neocoli WS	Neomycine, Colistin sulfate	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên heo	HCM-X9-41
6318	Atropin	Atropine sulfate	Ống, chai	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi. Giảm đau, giải độc trong các trường hợp ngộ độc	HCM-X9-43
6319	ADE BcomplexC	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, C, B12, B5, Niacin, Acid Folic, Chloline, Methi	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Bổ sung nguồn vitamin A, D, E, C và vitamin nhóm B, ngăn ngừa và điều trị bệnh Gumboro tốt, giúp gà tăng trưởng nhanh	HCM X9-45
6320	Ampicolistin fort	Ampicillin, Colistin sulfate, Vitamin C	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị và phòng các bệnh đường tiêu hóa, thương hàn, cầu trùng ỉa phân trắng	HCM X9-46
6321	Vitamin C 20%	Vitamin C	Ống, lọ	5ml, 20, 50, 100ml	Điều trị chứng suy nhược cơ thể	HCM-X9-48
6322	Diarrhe-Stop	Colistin sulfate, Sulfaguanidin	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy cấp và mãn tính trên bê, dê non, cừu non, ngựa con, heo con	HCM-X9-49
6323	Vitamin AD3EC	Vitamin A, D3, E, C	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Bổ sung vitamin	HCM X9-50
6324	Coliprim WS	Colistin sulfate, Trimethoprim	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X9-51
6325	Doxyprim WS	Doxycycline, Trimethoprim	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X9-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6326	Levamisol	Levamisol HCL	Bao, lon	2; 5; 10; 20; 50; 100g	Chuyên tẩy các loại giun sán đường phổi và ruột của heo, bò	HCM X9-53
6327	Levamisol	Levamisol HCl	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Chuyên tẩy các loại giun sán đường phổi và đường ruột của heo, bò	HCM-X9-54
6328	Sona Genta	Gentamycine	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycine ở gia súc, gia cầm	HCM-X9-56
6329	Erysultrim.F	Erythromycin, Colistin sulfate	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, viêm dạ dày - ruột do E.coli, salmonella	HCM-X9-57
6330	Genta-Tylosin	Tylosintartrate, Gentamycine	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, viêm màng phổi, THT, viêm ruột, dạ dày, tiêu chảy, PTH, viêm tử cung	HCM-X9-59
6331	Kanamycine 10%	Kanamycine	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột ỉa chảy do E.Coli, Samonella, nhiễm trùng máu, sinh dục, tiết niệu	HCM-X9-60
6332	Septotryl	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng, viêm: hoại huyết - viêm thận, đường sinh dục, viêm mũi, khí quản	HCM-X9-65
6333	Vitamin B6	Vitamin B6	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị chứng thiếu vitamin B6 trên bê, nghé, dê con, cừu con, heo con	HCM-X9-66
6334	Specti Coli	Colistin sulfate, Trimethoprim, Dexamethasone	Ống, chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên dê con, cừu con, heo con	HCM-X9-67
6335	Lincospectin	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X9-70
6336	Cotrim Fort	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM X9-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6337	Tilocol	Colistin sulfate, Tylosin, Vitamin A, C	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, viêm phổi địa phương, tiêu chảy trên heo, gia cầm	HCM-X9-74
6338	Doxy-B	Doxycycline, Bromhexine	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X9-75
6339	Ampisultrim.F	Ampicillin, Colistin, Vit B1, B6, B2, PP	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng, THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, viêm phổi, dạ dày, ruột	HCM X9-76
6340	Calcium ADE Vit	Vitamin A, D3, E, B, Tricalcium phosphat, Oxytetracyclin	Bao, lon	100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị và phòng suy dinh dưỡng còi xương, bại liệt, thiếu máu, rối loạn tiêu hóa, tăng sức đề kháng	HCM X9-77
6341	Dexacolitrim	Colistin sulfate, Trimethoprim, Dexamethasone	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên tâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-78
6342	NorfloxColi	Norfloxacin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, CRD, bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu	HCM-X9-79
6343	Vitamin ADE 500	Vitamin A, D3, E	Chai	10, 20, 50, 100ml	Phòng chống các bệnh thiếu Vitamin A, D3, E trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-80
6344	Tylo D.C	Colistin sulfate, Tylosin tartrate	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do E.coli, viêm ruột, viêm cục bộ, nhiễm trùng máu	HCM-X9-81
6345	Ampicolistin	Ampicillin, Colistin sulfat, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, phân hồng, thương hàn, viêm phổi, dạ dày, ruột, ỉa chảy, nhiễm độc thức ăn	HCM-X9-83
6346	Ivertin	Ivermectine	Chai	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị các bệnh do nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6347	Tiamulin	Tiamulin	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên heo, gà, vịt	HCM-X9-87
6348	Sona Flumesol	Flumequin	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, cầu trùng PTH,THT, tiêu chảy rối loạn tiêu hóa, hô hấp	HCM X9-88
6349	Sona Flox	Norfloxacin	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị và ngừa các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-), Gr (+)	HCM X9-89
6350	Sona-Premix 1	Vitamin A, D3, B1, Vi khoáng Zn, Mg	Bao, lon	100; 200; 250; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng kích thích thèm ăn, ngừa tiêu chảy, bệnh thiếu máu	HCM X9-90
6351	Sona-Premix 2	Vitamin A, D3, B1, Vi khoáng Zn, Mg	Bao, lon	100; 200; 250; 500g; 1kg	Bổ sung vitamin và khoáng vi lượng cho heo thịt. Tăng cường sức để kháng	HCM X9-91
6352	Colifort-Stop	Colistin sulfate	Lọ	10, 50ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hội chứng tiêu chảy ở gia súc non, cầu trùng, E.coli gây ra ở lợn	HCM-X9-96
6353	Enrofloxacin 25	Enrofloxacin	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, THT, thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy, teo mũi truyền nhiễm	HCM-X9-97
6354	Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, THT, thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy, teo mũi truyền nhiễm	HCM-X9-98
6355	Amox AD	Amoxycilline	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê non, cừu non, heo	HCM-X9-99
6356	Oxolinic 10%	Oxolinic acid (Muối Sodium)	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-), Gr (+): nhiễm Vibrio sp, viêm xoang mũi, phù đầu, CRD	HCM-X9-100
6357	Oxolin 20%	Oxolinic	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-), Gr (+), nhiễm Salmonella, Colibacille, Pasteurella	HCM-X9-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6358	Vitamin C 12,5%	Vitamin C	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Tăng sức đề kháng	HCM-X9-102
6359	Spetinovet	Spectinomycin HCl	Lọ, chai	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, phân trắng gây ra bởi E.coli ở heo	HCM-X9-103
6360	Đặt trị khẹt vịt	Tylosin tartrate	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp: ho, viêm phổi, phế quản, sổ mũi, CRD	HCM-X9-104
6361	Iron Dextran 100	Iron-Dextran	Ống, lọ	2, 5ml, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu, tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con	HCM-X9-106
6362	Iron Dextran 100 B12	Iron-Dextran, Vitamin B12	Ống, lọ	2, 5ml, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung sắt, phòng và trị thiếu sắt thiếu máu bệnh tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con	HCM-X9-107
6363	Analgin C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	2, 5ml, 10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, giảm sưng phù vết thương	HCM-X9-108
6364	Tiamulin	Tiamulin	Lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên heo	HCM-X9-109
6365	Bromhexine	Bromhexine HCl	Ống, lọ	2, 5ml, 10, 20, 50, 100ml	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản, viêm phổi ở gia súc	HCM-X9-111
6366	T.O.B 20%	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin HCl, Bromhexin HCl	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh Lepto, hồng ly, tiêu chảy, viêm teo mũi, suyễn, CRD	HCM-X9-112
6367	Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	5ml; 10, 20, 50, 100ml	Kích thích co bóp tử cung, kích thích đẻ nhanh, tiết sữa	HCM-X9-113
6368	Amox 10%	Amoxycilline	Ống, chai	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên tâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6369	Tylo BRT	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin HCl, Bromhexin HCl	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh hồng lỵ, tiêu chảy, viêm teo mũi, suyễn, CRD	HCM-X9-115
6370	Injectrovit	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, PP, D-panthenol, Folic acid, Biotin, Choline Chloride, Amino acids	Ống, chai	5ml, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1l	Phòng và trị các bệnh thiếu Vitamin A, B, D3, E và các Amino acid cần thiết cho trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo	HCM-X9-116
6371	Vitamin ADE 140	Vitamin A, D3, E	Ống, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh thiếu Vitamin A, D3, E trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo, chó, mèo	HCM-X9-117
6372	Ivertin	Ivermectine	Bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo, cừu	HCM-X9-118
6373	Florfenicol	Florfenicol	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên ngựa, trâu, bò, cừu, dê, heo, chó, mèo, thỏ và gia cầm	HCM-X9-131
6374	O.T.C 20% LA	Oxytetracyclin HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm cuống phổi, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiểu, mật, viêm tử cung, viêm vú, viêm tuyến tiền liệt, viêm mủ da trên trâu, bò, heo	HCM-X9-143
6375	Sotasal	1-(n-Butylamino)-1methylethyl-Phosphonic acid, Vitamin B12, Methyl hydroxybenzoate	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng trị rối loạn chuyển hóa do trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển, chống bại liệt, suy nhược, còi cọ do mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng trên trâu, bò, bê, nghé, cừu, heo, gia cầm	HCM-X9-151

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6376	AMOXCOLI WS	Colistin sulfate; Amoxycillin trihydrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD…	HCM-X9-152
6377	Tilmicosin	Tilmicosin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc, cừu	HCM-X9-170
6378	Doxy A.B	Doxycyclin HCL; Acetylsalicylic acid; Bromhexine HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin như: E.coli, CRD, Mycoplasma ở gia cầm, gà tây	HCM-X9-182
6379	Marboflox	Marbofloxacin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X9-184

2. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y MIỀN BẮC

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6380	N-Doxycoli	Doxycyclin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường ruột trên gia cầm	MB-01
6381	N-Eryampi	Erythromycin thiocyanate, Ampicillin trihydrat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Phòng và trị bệnh hô hấp như CRD, THT, viêm hoạt dịch, ngạt mũi, sổ mũi	MB-02
6382	N-Oxycol	Tetracyclin HCl, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh viêm đường hô hấp mãn tính, bệnh nhiễm trùng do E.coli	MB-03
6383	N-Coliprim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị các bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim gây ra trên lợn con, dê, cừu con	MB-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6384	N-Sulmedia	Diaveridin sodium, Sulphadimidin sodium	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị các bệnh gây ra do cầu trùng tại ruột già, ruột non ở gia súc, gia cầm	MB-06
6385	N-Aspersid	Nystatin, Tetracyclin HCl	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh nấm phổi do Aspergilluss Fumigatus gây ra với những triệu chứng ở đường hô hấp	MB-07
6386	N-Coccisid	Sulfachlorpyridazin, Sulphadimidin sodium	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Thuốc trị cầu trùng, E.coli, THT, bạch lỵ	MB-08
6387	N-Doxycin	Doxycyclin HCl, Tylosin, Theophyllin	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh CRD, viêm phế quản phổi, THT, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung	MB-09
6388	N-Anticoli	Tiamulin HF, Vitamin A, Chlortetracyclin HCl	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Thuốc trị các bệnh do E.coli, bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, THT, viêm khớp	MB-10
6389	Ampicoli-oral	Ampicillin trihydrat, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Phòng và trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa và hô hấp	MB-11
6390	N-Ticol	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm đa khớp, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn	MB-12
6391	N-Septorim	Sulphadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường niệu, đường ruột, viêm khớp, viêm mắt, tai, miệng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MB-13
6392	Tylosin 5%	Tylosin tartrate	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, CRD, PTH, THT	MB-14
6393	N-Tikana	Tiamulin HF, Kanamicin sulphate	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng tiết niệu - sinh dục	MB-15
6394	Gentylosin	Gentamicin sulphate, Tylosin tartrate, Dexa	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, thương hàn, CRD, phó thương hàn, THT ở gia súc, gia cầm	MB-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6395	N- Colison	Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên cho gia súc, gia cầm	MB-17
6396	Kanamicin 10%	Kanamicin sulphate	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiệt thán, bệnh viêm phổi, bệnh cầu trùng ghép coli bại huyết	MB-18
6397	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	5,10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, trị thấp khớp, giảm co thắt đường ruột, chướng bụng	MB-19
6398	N-Pneusid	Tiamulin HF, Oxytetracyclin HCl, Theophyllin	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, đường ruột, đường niệu - sinh dục, viêm tử cung, tụ huyết trùng	MB-20
6399	N-Phenicol	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	MB-21
6400	Gentamicin 5%	Gentamicin sulphate	Ống, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, THT, CRD, PTH	MB-22
6401	N-Oxysin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tatrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi truyền nhiễm, viêm phổi trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	MB-23
6402	N-Mequine	Flumequine sodium salt	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị bệnh viêm đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm khớp, viêm da	MB-24
6403	N-Neocin	Neomycin sulphate salt	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Điều trị bệnh tiêu chảy do nhiễm trùng đường ruột trên heo, bê, cừu, ngựa, chó	MB-25
6404	N-Enxin	Enrofloxacin HCL salt	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli trên bò. Bệnh đường tiêu hóa, MMA trên heo. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	MB-26
6405	N-Dolin. LA	Doxycyclin HCL	Ống, lọ	5; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	MB-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6406	N-Fluquin	Flumequine sodium salt	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng ruột, đường hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da	MB-28
6407	N-Kanacol	Colistin sulphate salt, Kanamycin mono sulphate salt	Ống, lọ	5ml,; 10; 20; 50ml; 100; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin gây ra trên trâu, bò, chó, mèo	MB-29
6408	N-Mectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị giun sán, ghẻ, chấy, rận trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MB-32
6409	N-Levasol	Levamisol	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị giun đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MB-33
6410	N-Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bênh thiếu Vitamin B1 trên gia súc, gia cầm	MB-34
6411	N-Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Chống Stress, suy nhược cơ thể, nhiễm độc, trên gia súc, gia cầm	MB-35
6412	N-Oresol	Natri Clorua, Kali clorua Na.bicacbonat, Glucose	Gói	27,5g	Dùng khi cơ thể mất nước (do ỉa chảy) mất máu, suy nhược	MB-36
6413	N-Vitamix	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, C, K3, PP, B5, Acid folic	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh do thiếu vitamin gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	MB-37
6414	N-B Complex	Vitamin B1, B2, B6, B5, PP, B12	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị chứng gầy còm của gia súc có chửa, gia súc cho sữa, gia cầm non chậm lớn	MB-38
6415	N-Eurovit	Vitamin A, D3, E, PP, B6, B1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Chống còi xương, bại liệt, xù lông, khô da, chết thai, đẻ non, mù mắt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, gà, vịt	MB-39
6416	N-Bactrim	Sulphadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim gây ra	MB-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6417	N-Colidin	Colistin sulfate, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò	MB-42
6418	N-Coli 500	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra	MB-43

3. CÔNG TY CỔ PHẦN THÚ Y XANH VIỆT NAM

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN MEDION VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6419	Gluco K,C	Glucoza, Vitamin K, Vitamin C	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress	GRV-1
6420	Super Egg	Oxytetracycline, Vitamin A, D, E, các vit thiết yếu khác	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Cung cấp vitamin, nâng cao sức đề kháng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phôi và ấp nở	GRV-2
6421	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Gói	1g, 2g, 5g, 10g	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV-13
6422	Tylanvet	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như - CRD, suyễn lợn	GRV-11
6423	Coli-dox	Colistin sulphate Doxycyclin	Gói, hộp	10,20,50,100, 250, 500g, 1kg, 5kg	Trị hen, hen ghép E.coli, thương hàn, trên gia cầm, lợn con phân trắng, viêm phổi	GRV-30
6424	Coli-200	Colistin sulphate Trimethoprim	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	GRV-31
6425	Coxymax	Sulphachlozin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, THT	GRV-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6426	Linco-spec	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Licomycin và Spectinomycin	GRV -37
6427	CRD.Com	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gà, vịt, ngan, cút	GRV-39
6428	MG-200	Tylosin tartrate, Doxycyclin HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột hoại tử, phó thương hàn trên bê, nghé, lợn con, dê con, cừu con, thỏ, gia cầm	GRV-40
6429	Flormax	Florfenicol	Túi, gói	100g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn và các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	GRV-41
6430	Tylandox	Doxycycline, Tylosin	Túi, bao	10; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, lợn, cừu, gia cầm	GRV-42
6431	Coxy-Q	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị E.coli và cầu trùng trên gà	GRV-43
6432	Neo-colistin	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Túi, xô	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với neomycin và colistin trên bê, nghé, cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	GRV-45
6433	AMOXYCOL-WS	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị *E.coli*, viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, thương hàn, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-46
6434	Trimazol-480WS	Sulphadiazin, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị *E.coli, Sallmonella,* tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-47
6435	NEOX-CHICK	Oxytetracycline, Neomycin sulphate, Vitamin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn, tăng sức đề kháng	GRV-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6436	Flormax 100 oral	Florfenicol	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm khuẩn do VK nhậy cảm với Flofenicol	GRV-49
6437	NEO-DOX PLUS	Doxycycline hyclate, Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, thương hàn, suyễn, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-50
6438	COLI-S 1200WP	Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị các vi khuẩn gây bệnh nhạy cảm với Colistin trên gia súc, gia cầm	GRV-51
6439	Gentadox	Gentamicin sulphate, Doxycycline hyclate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, *Heamophilus* trên gia súc, gia cầm	GRV-52
6440	DOXYCOL	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, *Heamophilus* trên gia súc, gia cầm	GRV-53
6441	LS-FORTE	Spectomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRV-54
6442	NEOMIX	Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với neomycin trên gia súc, gia cầm	GRV-55
6443	OTC 220 Premix	Oxytetracycline	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị viêm đường ruột, viêm teo mũi, bệnh nghệ do *Leptospira* trên heo. Trị viêm ruột do vi khuẩn trên cừu, dê con. Viêm đường ruột do vi khuẩn và viêm phổi trên bê, nghé	GRV-56
6444	Doxymix 12,5%	Doxycycline (hyclate)	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi trên heo	GRV-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6445	Super Doxy 50%	Doxycycline hyclate	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	GRV-58
6446	Flor-400	Florfenicol	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	GRV-59
6447	Ery-1000	Erythromycin thiocyanate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRV-60
6448	Sulfamono-1000	Sulfamonomethoxine natri	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm	GRV-61
6449	Tylosin-1000	Tylosin tartrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRV-62
6450	G-MOX 50%	Amoxycyline trihydrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng kế phát, nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	GRV-63

4. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM XANH VIỆT NAM

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN MEDION VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6451	Colicin	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy trên lợn như phân trắng, viêm ruột hoại tử, PTH	GRP-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6452	Tylovet-50	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10, 15; 20, 25, 50, 100, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như CRD, suyễn lợn	GRP-2
6453	Encin-100 inj	Enrofloxacin	Gói, hộp, lọ	10, 20, 50, 120, 100, 500ml, 1 lít	Trị bệnh viêm phổi, THT, thương hàn, viêm đường tiết niệu trên gia súc, gia cầm	GRP-3
6454	Norcin	Norfloxacin	Gói, hộp, lọ	10, 20, 50, 120, 100, 500ml, 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi E.coli, Salmonella, Mycoplasma, Streptococi, Clostridia	GRP-4
6455	Encin 100	Enrofloxacin	Gói, hộp, lọ	10, 20, 50, 120, 100, 500ml, 1 lít	Trị hen, Coruza, Salmonella trên gia cầm, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, đường tiết niệu trên gia súc	GRP-5
6456	Doxy-20%	Doxycyclin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5k, 25kg	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin trên gia súc, gia cầm	GRP-6
6457	C-75	Colistin sulphate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, dê, lợn và gia cầm	GRP-7
6458	Flu-Q 100	Flumequine	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn Gr (-) trên gia cầm, gia súc	GRP-8
6459	Tylan-Dox	Doxycyclin, Tylosin Tartarate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhậy cảm với Doxycyclin và tylosin	GRP-9
6460	Megacin	Oxytetracylin, Neomycin sulfate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin và Neomycin trên bê, dê, lợn và gia cầm	GRP-10
6461	Brom Plus	Bromhexine	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị triệu chứng về rối loạn hô hấp - giảm cơn hen	GRP-11
6462	Florsol 20% Oral	Florphenicol	Chai, can	100; 120; 250; 500ml; b1; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh di vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên gia cầm	GRP-12
6463	Megacox	Sulfaclophenicol	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, thương hàn, THT	GRP-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6464	Genta-Doxy	Gentamicin sulphate Doxycyclin hydrate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, THT, TH, Heamophilus trên gia súc, gia cầm	GRP-14
6465	Nước pha vacin	Nước cất	Chai	3.5, 5, 9, 17; 20; 30; 34; 40, 50; 68; 100; 200; 400; 500ml	Pha vaxin dùng để nhỏ mắt, mũi, miệng	GRP-15
6466	Linco-S	Spectinomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 15; 20; 25; 50; 100; 200; 00 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, THT, TH, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRP-16
6467	Colimox Ws	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 00 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, viêm ruột hoại tử, THT, TH< coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc gia cầm	GRP-17
6468	Quino-Cox	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 00 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, nhiễm Coli huyết trên gà, vịt, ngan, cút	GRP-18
6469	Erymax	Erythromycin thiocyanate	Túi, bao, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRP-19
6470	Sulfamax	Sulfamonomethoxine natri	Túi, bao, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm	GRP-20
6471	Tylanmax	Tylosin tartrate	Túi, bao, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRP-21

5. CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y NAPHA

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6472	NP-Kalis	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn con, chó, mèo	HCM-X24-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6473	NP-Linspec	Spectinomycin HCL, Lincomycin HCL	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, vịt, chó, mèo	HCM-X24-05
6474	NP-Amcolifort	Ampicillin, Colistin, Vit A, B1, B6, C	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X24-07
6475	Nabusal 10%	1- (butylamino)-1 methylethyl-phosphoric acid, Vit B12	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-12
6476	NP-Sone	Oxytetracyclin HCL, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó mèo	HCM-X24-15
6477	NP-Rolin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X24-17
6478	Broncho inject	Bromhexin HCL	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Giảm ho, long đờm, giản khí quản, phế quản giúp gia súc bài thải dịch nhày một cách dễ dàng, hỗ trợ với kháng sinh điều trị bệnh hô hấp	HCM-X24-18
6479	NP-Enroflox 5%	Enrofloxacine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-23
6480	NP-Vit C 2000	Acid Ascorbic	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tăng đề kháng, chống stress	HCM-X24-24
6481	NP-Norflox 10%	Norfloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị chứng nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X24-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6482	NP-Biseptol 240	Sulfamerazine, Trimethoprim	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, phù thũng	HCM-X24-26
6483	NP-Polyvit-Forte	Vit A, D3, E, B1, B2, B6, PP	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Bổ sung vitamin	HCM-X24-27
6484	NP-Polyvit B	Vitamin B1, B2, B6, B12, Nicotinamide, D-pathenol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B	HCM-X24-28
6485	NP-Marbocin	Marbofloxacine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X24-31
6486	NP-B.Complex	Vitamin B1, B2, B6, Nicotinamide	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X24-34
6487	NP-Fe + B12	Fe (Dextran), Vitamin B12	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu non	HCM-X24-35
6488	NP-COLI-AMPI	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Phòng, trị tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, Salmonella, viêm phổi, xoang, móng, viêm khớp	HCM-X24-42
6489	NP-Norcotin	Norfloxacin HCL	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu trên chó	HCM-X24-44
6490	NP-TIACOLISTIN	Tiamulin, Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, xoắn khuẩn; viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp ở gia cầm	HCM-X24-45
6491	GENTA-COLIFLOX	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm ruột, E.coli, viêm rốn, phân xanh - phân trắng, sưng đầu vịt, THT, thương hàn, viêm xoang mũi	HCM-X24-47
6492	Dexamethasone 0,1%	Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống viêm và chống dị ứng; Dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	HCM-X24-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6493	NP-AMOX-COLIS	Amoxicillin sodium, Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khí quản, suyễn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, hô hấp, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli	HCM-X24-49
6494	NP-AMPI-COLIS	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-50
6495	NP-ANALGIN-C	Analgin, Vitamin C	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú	HCM-X24-51
6496	NP-ATROPIN sulfate 0,05%	Atropine sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi, giảm đau - tiền mê trong phẫu thuật, giải độc	HCM-X24-52
6497	NP-CALCIUM + B12	Calcium gluconate, Vitamin B12	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các chứng sốt sữa, co giật, bại liệt, thú bị còi cọc, thiếu máu, chậm lớn	HCM-X24-53
6498	Eco-500	Enrofloxacin HCL	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, khớp, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X24-54
6499	NP-BELCOTIN-S Colistine Sulfate 2%	Colistine sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày ruột, phù thũng, viêm thận, vú, tử cung, viêm đa khớp, viêm phổi	HCM-X24-55
6500	NP-Gentamycine Sulfate 4%	Gentamycine sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi ở gia súc, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy	HCM-X24-56
6501	NP-LINCO 10%	Lincomycine HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng hô hấp, máu, sinh dục	HCM-X24-57
6502	NP-LEVASOL Levamisol HCl 7,5%	Levamisol HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6503	NP-OXYTETRA 10%	Oxytetracyclin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-59
6504	NP-D.O.C SONE	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng	HCM-X24-60
6505	Vitamin AD3E	Vitamin A, D3, E	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Kích thích tính thèm ăn của gia súc, gia cầm, phục hồi niêm mạc tử cung bị tổn thương sau khi sinh. Tăng khả năng sinh sản ở thú cái, giúp thú đực sinh tinh tốt. Ngoài ra giúp hấp thu tốt Calci, phospho giúp bào thai phát triển tốt, tránh còi cọc ở thú non	HCM-X24-61
6506	NP-Tylosin 100	Tylosin tatrate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm; viêm ruột, viêm vú, lepto	HCM-X24-62
6507	NP-FER 100 (Fe 10%)	Sắt (Fe)	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu	HCM-X24-63
6508	NP-Calcium-Fort	Calcium gluconate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị sốt sữa, bại liệt trước và sau khi đẻ, chứng co giật	HCM-X24-64
6509	NP-Analgin 25%	Analgin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng	HCM-X24-65
6510	Vitamin B12	Vitamin B12	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu Vitamin B12	HCM-X24-66
6511	NP-Vit C 1000	Vitamin C	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng trị thiếu máu do thiếu vit C, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X24-67
6512	NP-Ivermectin	Ivermectin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò và lợn	HCM-X24-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6513	NP-Rovam 2000	Spiramycin, Colistin sulphate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	HCM-X24-69
6514	Naflor L.A	Florphenicol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên heo	HCM-X24-75
6515	Amoxicol	Amoxicillin Colistin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-80
6516	Amoxlav	Amoxicillin, Bromhexine HCl	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục - tiết niệu, tiêu hóa trên gia cầm, heo	HCM-X24-88
6517	Amox-Colis	Amoxicillin trihydrate, Colistin Sulphate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, viêm rốn trên gia súc, gia cầm non	HCM- X24-103
6518	Ampi-Colis	Ampicillin Trihydrate, Colistine Sulphate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị tiêu chảy trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM- X24-104
6519	PHARMALIN-C	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM- X24-106
6520	NP-ENROFLOX 10%	Enrofloxacin base	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM- X24-115
6521	NAFOS	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl-Phosphonic acid Vitamin B12	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	HCM- X24-121

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6522	PEN-STREP	Penicillin G potassium Streptomycin sulfate	Lọ, chai	1, 2, 3, 4, 5, 10, 20g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM- X24-125
6523	AMOXIGEN	Amoxicillin trihydrate Gentamycin sulfate	Lọ, chai	1, 2, 3, 4, 5, 10, 20g	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê cừu, heo, gia cầm	HCM- X24-126
6524	GENTAMOX	Amoxicillin trihydrate Gentamycin sulfate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	HCM- X24-127
6525	AMPI-SEP	Ampicillin trihydrate Sulfamethoxazole	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị tiêu chảy, tụ huyết trùng, phó thương hàn, CRD, viêm phổi, viêm xoang mũi, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm	HCM- X24-128
6526	KETOFEN	Ketoprofen	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, heo	HCM- X24-132
6527	AMOX POWDER	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm xoang, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM- X24-138
6528	FLODOX	Flofenicol, Doxycycline HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM- X24-139
6529	INFLUXIN	Flunixin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hỗ trợ điều trị viêm nhiễm gây sốt, hỗ trợ cho liệu pháp kháng sinh	HCM- X24-142

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6530	CEFTIFUR	Ceftiofur sodium	Lọ, chai	1, 2, 3, 4, 5, 10, 20g	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên gà, vịt	HCM- X24-143
6531	TULAMYCIN	Tulathromycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM- X24-146

6. DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN CƯỜNG

NSX: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6532	Hen gà - Suyễn lợn	Erythromycin, Tetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NC-1
6533	Antidiarrhee	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, phân xanh, phân trắng trên gia cầm, lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con	NC-2
6534	Anticoccid-NC	Sunfamethoxin, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Điều trị bệnh cầu trùng	NC-3
6535	Coli-Coc-Stop	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, phế quản truyền nhiễm, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm	NC-4
6536	B-Complex	Vitamin: B1, B2, B6	Gói	100; 200; 500g; 1kg	Bổ sung vitamin nhóm B, điều trị bệnh thiếu vitamin	NC-5
6537	E-S-T vịt, ngan	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, THT, viêm ruột, ỉa chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NC-6
6538	Colipig - Úm gia cầm	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm	NC-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6539	Điện giải - Trứng - NC	Natriclorid, Natricitrat, Kaliclorid, Calcium gluconate	Gói	20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Tăng cường sức lực cho gia súc, gia cầm, chống nóng, giải độc, cân bằng và cung cấp chất điện giải	NC-8
6540	Lợn tiêu chảy - NC	Oxytetracyclin HCL, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phó thương hàn, bạch lỵ, tụ huyết trùng, viêm phổi trên lợn, bê, nghé, cừu non, gia cầm	NC-10
6541	NC-Coli	Norfloxacin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn, nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó	NC-12
6542	NC-Enro 10%	Enrofloxacin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	NC-13
6543	NC-Novalgin	Analgin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt giảm đau, chống sốt cao	NC-14
6544	Vitamin-B.complex	Vitamin B1, B2, B6, PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B, viêm dây thần kinh, tăng đề kháng cho cơ thể	NC-15
6545	Lincocin 10%	Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra	NC-17
6546	Kanamycin 10%	Kanamycin Sulphate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra	NC-18
6547	Coli-Dox	Doxycyclin, Dexamethasone	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NC-19
6548	NC-Doxycat	Doxycyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn	NC-21
6549	NC-Lincoseptin	Lincomycin, Spectinmycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, chó, mèo	NC-25
6550	Coli-Flugum-Stop	Flumequine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, tiết niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NC-26
6551	Coli-Cocci-Stop	Trimethoprim, Sulfacholoropydazine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NC-27

7. CÔNG TY CỔ PHẦN XNK DƯỢC THÚ Y NASA

NSX: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6552	Thuốc trị lỵ và tiêu chảy	Berberin	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, kiết lỵ, viêm ruột, bạch lỵ, thương hàn, THT, phân trắng, phân xanh trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NN-3
6553	Ampitylo	Tylosin, Ampicillin, Vit A, B1, C	Túi	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị hen gà, suyễn lợn	NN-4
6554	Noconizol	Norfloxacin, Vitamin B1	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị CRD, ỉa chảy phân xanh, phân trắng, THT, phó thương hàn trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NN-7
6555	NN tiêu chảy heo	Colistin, Sulphaguanidin	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1, 2, 5, 10kg	Trị tiêu chảy heo	NN-8
6556	NN-Nacoc-ACB	Sulfachlorpyridazin	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1, 2, 5kg	Trị cầu trùng, phân trắng, phân có máu trên gia cầm, thỏ	NN-9
6557	NN-Colicocid	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	NN-11
6558	NN-Sulmix-Plus	Sulfadimidin, Trimethoprim,	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1, 2, 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, niệu - sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NN-13
6559	NN-Gentacostrim	Gentamycine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Gentamycine trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	NN-20
6560	NN-Anticoli	Colistin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1, 5, 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli, Salmonella, Shigella, Klebsiella, Pseudomonas	NN-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6561	Thuốc tẩy giun	Levamisole	Túi, lon	2, 4, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị giun	NN-22
6562	Ampicol C	Colistin, Amoxycilline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu dục do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Amoxycilline	NN-23
6563	Anti CRD	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Tylosin	NN-24
6564	Flumequine 10%	Flumequine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine	NN-26
6565	Gentadox	Gentamicin, Doxycycline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Gentamicin gây ra trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NN-27
6566	Kháng sinh ngan vịt	Colistin, Doxycycline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Doxycycline gây ra trên bê, nghé, lợn và gia cầm	NN-28
6567	NASA-Flordox	Florfenicol	Túi, lon, xô	5, 10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn *Actinobacillus pleuropneumonie*, *Pasteurella multocida*, *Streptococcus suis*, *Bordetella bronchiseptica* trên heo	NN-29

8. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y QUỐC TẾ ĐÔNG NGHI

NSX: CÔNG TY TNHH TM SX VIỆT VIỄN (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6568	CEPHAGENTA	Cephalecin monohydrate, Gentamycin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị CRD, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, cúm, viêm mũi, phù đầu vịt	HCM-X27-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6569	INVET-COLI	Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường ruột trên heo, bò, gà, vịt, chim, cút	HCM-X27-02
6570	INVET-BACTRIM	Sulfadimidin sodium, Trimethoprim	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc; THT, viêm phế quản, phổi trên gia cầm	HCM-X27-03
6571	TYLOMOX	Amoxycilline trihydrate, Tylosin tartrate, vitamin B1, B2, B5, B6, PP, C, K3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp như: sưng phù đầu vịt, viêm xoang mũi vịt, CRD	HCM-X27-04
6572	TẨY GIUN SÁN	Levamisol HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Tẩy giun sán đường phổi và đường ruột của heo, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, chim, chó, mèo	HCM-X27-07
6573	ÚM GÀ VỊT	Spiramycin adipic acid, Colistin sulfate, vitamin A, D3, E, B1, B2, B5, B6, PP, B12, K3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Dùng úm gà, vịt, cút non; chống stress, phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	HCM-X27-08
6574	INVET-COLITETRA	Oxytetracyclin HCl, Colistin sulfate, Vitamin A, D3, E, B2, B5, PP, B12, K3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị, viêm màng hoạt dịch truyền nhiễm, viêm ruột tiêu chảy trên heo con sơ sinh, bệnh phù, viêm ruột do vi khuẩn,...	HCM-X27-10
6575	INVET-T.C.H	Apramycin sulfate, Colistin sulfate, Vitamin A, PP, K3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh tiêu chảy phân trắng, phân vàng của heo con	HCM-X27-12
6576	ENROFLOXACIN 10%	Enrofloxacin HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị hen (CRD), viêm phổi, THT, viêm phế quản, tiêu chảy do E.coli, nhiễm trùng máu	HCM-X27-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6577	APRAMYCIN	Apramycin sulfate, vitamin A, B1, B6	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị phân trắng do E.coli, phù, sưng mắt, phù mặt, bạch lỵ gia cầm	HCM-X27-16
6578	INVET-K.C.N	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng, phó thương hàn, tiêu chảy, viêm phổi, viêm đường tiết niệu	HCM-X27-17
6579	INVET-DYNADOXY	Tiamulin hydrogen fumarate, Doxycilin HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X27-18
6580	ANALGIN + C	Analgin, vitamin C, acid citric	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng cơ thể, phòng chống các hội chứng stress	HCM-X27-19
6581	TOI GIA CẦM	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate, vitamin B1, B5, B6, PP, C, K3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh toi gà vịt, cút, ngỗng, gà tây. Phòng bệnh do thời tiết thay đổi hoặc khi điều kiện môi trường bất lợi làm giảm sức đề kháng của gia cầm	HCM-X27-20
6582	INVET-AMPICOLI	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, viêm rốn, viêm xoang mũi, viêm ruột, CRD, THT, thương hàn trên gia súc, gia cầm	HCM-X27-22
6583	KHÁNG SINH VỊT	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, sưng phù đầu trên vịt	HCM-X27-23
6584	INVET-ERY C	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate, Vit B1, B2, C	Gói	5, 10, 20, 50, 100g, 200, 250, 500g, 1kg	Chủ trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X27-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6585	TIACOLI-D	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate, Dexamethasone sodium	Ống, lọ, chai	2, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh: viêm phổi, viêm xoang, suyễn heo, lỵ, tiêu chảy, viêm khớp	HCM-X27-26
6586	INVET-FERDEXTRAN	Iron	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con theo mẹ, bệnh thiếu máu do ký sinh trùng	HCM-X27-27
6587	INVET-SONE	Thiamphenicol,Oxy tetracyclin HCl, Dexa acetate, Lidocain	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm ruột, viêm phổi, nhiễm trùng máu, viêm tử cung, âm đạo, viêm vú, khớp, viêm da, viêm móng	HCM-X27-28
6588	INVET-T.C.P	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản ở lợn con, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm. PTH, tiêu chảy, kiết lỵ, đóng dấu, tụ huyết trùng, hội chứng viêm vú, viêm tử cung	HCM-X27-29
6589	LINCOJECT 10%	Lincomycin HCl, Dexamethasone sodium	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Trị các bệnh viêm khớp, suyễn heo, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, kiết lỵ	HCM-X27-31
6590	ANALGIN + C	Analgin, vitamin C	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Giảm đau nhanh và hạ nhiệt; Tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X27-32
6591	GENTATYLO	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexamethasone acetate	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy; CRD, viêm xoang, viêm ruột	HCM-X27-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6592	AMPISAN-D	Ampicillin trihydrate, Analgin	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Giúp hạ nhiệt nhanh, giảm đau, trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi, viêm móng và nhiễm trùng các vết thương	HCM-X27-37
6593	B.COMPLEX-CALCI	Vitamin B1, B6, B12, PP, calci gluconate	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Phòng và trị các chứng thiếu Calcium và Vitamin ở gia súc, giúp cứng xương	HCM-X27-41

9. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÔ BA

NSX: CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6594	ST-colis	Colistin sulfate	Bao; Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, thỏ và gia cầm	HCM-X31-1
6595	ST 5	Didecyl dimethyl ammoniumchloride; Dioctyl-dimethylam monium; Octyldecyldimethyl ammonium chloride; Alkyldimethylbenzyl ammonium glutaradehyde	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Khử trùng, diệt khuẩn, diệt nấm, diệt vi rút	HCM-X31-2
6596	ST-Nor	Norfloxacin	Bao; Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do Mycoplasma, E.coli, Pasteurella gây ra trên bê và gia cầm	HCM-X31-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6597	ST-Anagi	Dipyrone; vitamin C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Hạ sốt, giảm đau nhanh chóng trong các bệnh nhiễm trùng cấp, chống mất nước, điện giải ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-4
6598	ST-Flomen	Florphenicol	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	HCM-X31-5
6599	ST-Fluta	Flumequine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột và hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine gây ra trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn và gia cầm	HCM-X31-6
6600	ST- Linco	Lincomycin HCL	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son, bệnh lỵ viêm khớp, viêm da có mủ, tiêu chảy	HCM-X31-7
6601	ST-menzy	Bacillus subtilis	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc, rối loạn tiêu hóa	HCM-X31-8
6602	ST-Ivere	Ivermectin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nội - ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X31-10
6603	ST-Tylo	Tylosin tartrate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g ; 1; 2; 5kg	Trị bệnh CRD ở gia cầm và trị bệnh viêm phổi, bệnh lỵ trên bê và lợn	HCM-X31-11
6604	ST-Genta	Gentamycin sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-12
6605	ST-Lorop	Sulfachloropyrazine, Diaveridine, Vitamin A	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X31-14
6606	ST-Aspirin	Acetyl salicilic	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước và mất chất điện giải	HCM-X31-15

10. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÚ Y THỦY SẢN LONG AN

NSX: CÔNG TY TNHH TM SX VIỆT VIỄN (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6607	Enroflox.1000	Enrofloxacin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm xoang; bệnh đường tiêu hóa: viêm ruột, thương hàn, E.coli	LAV-01
6608	Colistin.6000	Colistin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, E.coli ở heo con, gà, vịt	LAV-07
6609	Lavecide-LA	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Chai, bình	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Sát trùng chuồng trại, lò ấp, lò giết mổ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc	LAV-08
6610	LA.Sep tryl. 240	Trimethoprim, Sulfadiazin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, THT, viêm khớp, viêm đường sinh dục, nhiễm trùng	LAV-11
6611	Tylo.dt sone	Thiamphenicol, Tylosin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm xoang, thương hàn, E.coli, viêm vú, tử cung, viêm móng, viêm ruột tiêu chảy, kiết lỵ, viêm khớp	LAV-14
6612	Thia.sone	Oxytetracylin, Thiamphenicol	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn, E.coli, viêm đường hô hấp, THT, CRD, viêm xoang phù đầu, khẹt, viêm đường sinh dục, tiết niệu	LAV-15
6613	ADE.Becomplex	Vitamin A, D3, E, B	Ống, lọ	2; 5,10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin	LAV-18
6614	Vita.Bcomplex	Vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng ngừa và điều trị các bệnh do thiếu Vitamin nhóm B	LAV-19
6615	Fer.B12 1000	Iron	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Phòng, chống bệnh thiếu máu ở heo con gây tiêu chảy phân trắng, vàng	LAV-21
6616	Biotol.B12	Sorbitol, methionin, lysin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Giúp tăng tiết dịch mật kích thích tiêu hóa tăng trưởng nhanh, giải độc gan, nhuận tràng, chống táo bón,…	LAV-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6617	Calberon.B12	Canxi, B1, B12, B6	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh thiếu calci như: yếu xương, bại liệt, còi xương, chậm lớn, kém phát triển, chống xuất huyết,…	LAV-23
6618	Lactogel.B	Lactose, B1, Methionin, Sorbitol	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh kiệt sức, suy nhược, biếng ăn heo nái sau khi sinh, kích thích heo nái ăn nhiều, giải độc	LAV-24
6619	Vitamin C.2000	Vitamin C	Ống, lọ	2; 5, 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh do thiếu Vitamin C: suy nhược, biếng ăn, sốt cao, chảy máu mũi	LAV-26
6620	Vitamin K.600	Vitamin K3	Ống, lọ	2; 5, 10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị các bệnh chảy máu do thiếu vitamin K; cầm máu	LAV-27
6621	Anazin.3000	Anazin	Ống, lọ	2; 5, 10; 20; 50; 100; 500ml	Hạ sốt, giảm đau, kháng viêm, chống stress. Điều trị kết hợp với kháng sinh trong các bệnh nhiễm khuẩn gây sốt	LAV-28
6622	Anazin.C	Anazin, vitamin C	Ống, lọ	2; 5, 10; 20; 50; 100; 500ml	Giảm đau, hạ sốt. Điều trị kết hợp với kháng sinh trong các bệnh nhiễm khuẩn	LAV-29
6623	Iverrmectin.LA	Ivermectin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do nội ký sinh trùng trong dạ dày, ruột và phổi	LAV-30
6624	Dexa.LA	Dexamethasone	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Giảm viêm trong các trường hợp nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, viêm da, chống sốc	LAV-31
6625	Flumequyl.1000	Flumequine	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị thương hàn, viêm ruột, E.coli, hội chứng viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, vàng, lỏng, nhớt, CRD, tụ huyết trùng cho gia súc, gia cầm, trâu, bò	LAV-32
6626	Đặc trị tiêu chảy - LA	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Neomycin gây ra	LAV-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6627	LA.Septryl 240	Trimethoprim, Sulfaquinoxalin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị CRD, viêm xoang, E.coli, thương hàn, cầu trùng, viêm dạ dày, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiểu	LAV-36
6628	Anti.CRD	Doxycylin, Sulfadiazin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị CRD, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, viêm phổi, tụ huyết trùng	LAV-37
6629	Anticoc.LA	Sulfaquinoxalin, Sulfadimedin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị cầu trùng, viêm ruột xuất huyết, tiêu chảy phân trắng, viêm ruột hoại tử, nhiễm khuẩn E.coli, viêm ruột ở thỏ và heo,…	LAV-38
6630	ETS Fort	Erythromycin, S.methoxypirydazin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị khẹt vịt, viêm phổi, tụ huyết trùng, CRD và các hội chứng do tạp khuẩn gây bệnh trên đường hô hấp	LAV-39
6631	Amox.lium	Amoxycilin, cao tỏi (Allium)	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp: viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli; viêm khớp, sưng khớp, viêm kết mạc mắt	LAV-40
6632	Super egglayer	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Phòng, chống các bệnh cho đường hô hấp: viêm phổi, tụ huyết trùng và đường tiêu hóa, viêm ruột, tiêu chảy, E.coli	LAV-41
6633	Anti.Gumboro	Vitamin A, B, K, C, Lysin, sorbitol	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Phòng, trị bệnh gumboro trên gia cầm	LAV-42
6634	Ampi.colium plus	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị: viêm rốn, viêm phổi, THT, CRD, viêm xoang, viêm khớp, viêm đường sinh dục, viêm ruột, E.coli, thương hàn, E.coli	LAV-43
6635	Tylo.sulfa	Tylosin, Sulfadimedin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, hen do mycoplasma, tạp khuẩn gây bệnh đường hô hấp, CRD	LAV-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6636	Tẩy giun.LA	Levamysol	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Diệt các loại giun trên đường tiêu hóa và hô hấp	LAV-45
6637	GENTA-1000	Gentamycin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, Viêm phế quản, khẹt mũi vịt, CRD	LAV-46
6638	ATROPIN-LA	Atropin	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị co thắt dạ dày, ruột: ói, nôn, tiêu chảy dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị bệnh viêm dạ dày, viêm ruột	LAV-49
6639	CAMPHO-LA	Camphora	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường hoạt động hệ tuần hoàn, hô hấp, trường hợp sốc phản vệ do tiêm ngừa	LAV-50
6640	LEVA-1000	Levamysol	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Trị giun đũa, giun chỉ, giun tóc, giun lươn, giun phổi, giun thận, giun xoăn, giun kết hạt và các KST khác trên đường tiêu hóa	LAV-51
6641	NƯỚC PHA TIÊM-LA	Nacl	Ống, lọ	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml	Dùng để pha các loại thuốc tiêm chích dạng bột	LAV-52
6642	ENROFLOX. 1000	Enrofloxacin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g, 1kg	Trị THT, viêm phổi, CRD, thương hàn, E.coli, viêm ruột	LAV-54
6643	NORFLOX.1000	Norfloxacin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do tạp khuẩn, CRD, tụ huyết trùng, viêm xoang trên gia súc, gia cầm, trâu, bò, dê, cừu	LAV-55
6644	COLISTIN.6000	Colistin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, viêm dạ dày, ói mửa, ăn không tiêu	LAV-57
6645	ENZYM. SUBTYL.B	B. subtilic, L.acidophills, Saccharomyces, Vit B1	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Phòng, trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính, loạn khuẩn đường ruột, rối loạn tiêu hóa do sử dụng kháng sinh lâu dài	LAV-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6646	VITAMIN C.PLUS	Vitamin C, sorbitol	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C. Giúp giảm sốt, giải độc, mát gan, lợi mật	LAV-61
6647	ÚM GÀ VỊT. LA	Licomycin, Sulfadiazin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa và hô hấp: viêm rốn, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm xoang mũi, CRD, E.coli	LAV-62
6648	COLIVIT. TETRA	Colistin, Oxytetracyclin	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g, 1kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn gr (-) và gr (+) gây trên đường hô hấp, tiêu hóa	LAV-63
6649	ENZYM. SUBTYL	Bacilus subtilic, Amylase, Protease	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g; 1; 10kg	Phòng, trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính, các chứng rối loạn tiêu hóa...	LAV-65
6650	MYCO. FAC	Chlotetracyclin, Erythromycin, Vit.B1	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 250; 500g, 1kg	Phòng và trị hội chứng bệnh viêm phổi cấp và mãn tính	LAV-66
6651	FEN. BEN 40	Fenbendazon, MgSO4	Gói, hộp	5; 10; 50; 100, 500g, 1kg	Phòng và diệt các loại KST: giun tròn và giun dẹp ký sinh trong dạ dày, ruột, phổi,...	LAV-67
6652	ENROFLOX. 1000	Enrofloxacin	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1l	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, CRD, viêm xoang mũi; tiêu chảy phân trắng, kiết, phù thủy, sưng mắt co giật do E.coli	LAV-70
6653	OXYTOXIN.LA	Oxytoxin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, giúp sinh đẻ nhanh, chống xuất huyết tử cung, kích thích tiết sữa trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	LAV-72
6654	COLI. SOURS	Spectinomycin, Colistin	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1l	Trị tiêu chảy viêm ruột ở heo con, bê, nghé, gia cầm do bị nhiễm khuẩn G -	LAV-74
6655	FSS	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazin gây ra trên bê, cừu, heo, gà, vịt, thỏ	LAV-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6656	SÁT TRÙNG A.C.A	Benzal konium, CuSO4, acid citric	Lọ	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1l, 5l	Sát trùng dụng cụ, chuồng trại, máy ấp, lò ấp và trứng, vết thương, vết mổ	LAV-80
6657	ADE.B12	Vitamin A, D3, B12	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin cho trâu, bò, heo, gà, vịt	LAV-81
6658	Vitamin 3B	Vitamin B1, B6, B12	Ống, lọ	2; 5ml, 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B cho trâu, bò, heo, gà, vịt	LAV-82
6659	Tiêu chảy. LA	Neomycin, Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100ml, 250, 500ml	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin cho bê, cừu, dê, heo con, gà, vịt	LAV-83
6660	Tylo.DC	Tylosin, Colistin sulfat, Dexamethesone	Ống, lọ	2,5ml, 10; 20; 50; 100, 250, 500ml	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Colistin gây ra cho bê, heo	LAV-84
6661	Anti. E.coli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Vit A, D3, E	Gói, hộp	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 500g; 1; 10kg	Trị tiêu chảy phân trắng, nhiễm trùng ruột, viêm ruột, mất nước, tiêu chảy và suy dinh dưỡng trên heo con và bê	LAV-86
6662	EBS	Enrofloxacin	Chai	10; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng máu, bệnh viêm teo mũi, viêm phổi trên heo	LAV-87

11. CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THÚ Y

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG THÔN (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6663	BTV-Ampi-Anticoli	Ampicilin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, hội chứng MMA trên trâu, bò, lợn, gia cầm	BTV-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6664	BTV-Fugacomix	Sulfaguanidin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột trên bê, cừu non, dê con, lợn con	BTV-31
6665	BTV-Tribactrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, lợn, chó, gia cầm	BTV- 18
6666	BTV-Eryta (Úm gà con, vịt con)	Tetracyclin, Erythromycin, Vitamin B1, B2, B6, PP, Calcium panthotenat	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị viêm xoang, viêm phế quản, bạch lỵ, thương hàn, THT, giảm tỷ lệ chết do nhiễm trùng trên gia cầm, thỏ	BTV-33
6667	BTV-Erycolis	Erythromycin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp trên gia cầm, thỏ	BTV-36
6668	BTV- Đặc trị hô hấp	Sulfadimerazin, Tylosin	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn, gia cầm	BTV-37
6669	BTV-OX.T 1000	Oxytetracyclin HCL, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, cừu	BTV-40
6670	BTV-Sulfalin	Tetracyclin, Sulfadimethoxin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm, thỏ	BTV-41
6671	BTV-Toi gia cầm	Ampicilin, Colistin	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg; 10kg	Trị bệnh dạ dày, ruột trên bê, dê non, cừu non do vi khuẩn gây ra	BTV-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6672	BTV - Tiêu chảy đặc trị	Colistin, Neomycin	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc non, thỏ, gia cầm	BTV-55
6673	BTV - Tẩy giun	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy giun xoắn, giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim cho trâu bò, lợn, dê cừu, gia cầm	BTV-61

12. TRUNG TÂM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ THÚ Y

NSX: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ LIÊN DOANH VIỆT ANH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6674	Anti-Coli	Tiamulin, Chlotetracycline	Gói	10, 50, 100g	Chữa ỉa chảy cho gia súc, gia cầm	TCCT-8
6675	Ampi De Coli	Ampicillin, Colistin	Gói	10, 50, 100g	Trị bệnh ỉa chảy của lợn, gà, vịt (phân trắng, xanh, nhớt)	TCCT-10
6676	TTTC Chlotetracycline gói 10g trị tiêu chảy TCCT-11	Chlotetracycline	Gói	10, 50, 100g		TCCT-11
6677	Xomix-HT	Sulphadimidin	Gói	20; 50; 100; 200g	Trị bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	TCCT-19

13. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y (PHAVETCO., LTD)

NSX: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ LIÊN DOANH VIỆT ANH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6678	Penicillin G	Penicillin G	Lọ	0,62g	Chữa bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra như đóng dấu, nhiệt thán	HCN-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6679	Streptomycin	Streptomycin sulphate	Lọ	1g	Chữa tụ huyết trùng, CRD	HCN-2
6680	B complex	B1, B2, B6	Gói	100, 500g; 1kg	Tăng trọng, bổ sung vitamin	HCN-12
6681	Ampi-streptotryl	Ampicillin, Sulfadimidin	Gói	10, 50, 100g	Chữa viêm phổi, ỉa chảy trên gia súc, gia cầm	HCN-13
6682	Sultrep	Streptomycin, Sulfadimidin	Gói	10, 50, 100g	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm	HCN-19
6683	Genta-Prim	Trimethoprim, Gentamycin	Gói	10, 50, 100g	Chữa bệnh đường hô hấp, viêm phổi	HCN-22
6684	Trị các bệnh tiêu chảy	Tylosin, Oxytetracycline	Gói	10, 50, 100g	Trị ỉa chảy	HCN-25
6685	Trị E.coli đường ruột	Sulfadiazin, Tylosin	Gói	10, 50, 100g	Trị E.coli đường ruột, phù đầu	HCN-35
6686	Coccitop PV	Sulfadiazin, Tylosin	Gói	10, 50, 100g	Trị cầu trùng ở gà, thỏ	HCN-36
6687	CRD-MYCO	Sulfadiazin, Tylosin	Gói	10, 50, 100g	Trị hen suyễn, khẹc vịt, CRD ở gà	HCN-37
6688	TYFAZOL	Sulfadimidin, Amoxycyclin	Gói	10, 50, 100g	Trị các bệnh như hen suyễn, CRD	HCN-38

14. CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC THÚ Y THUẬN KIỀU

NSX: CÔNG TY TNHH SX - TM M.E.B.I.P.H.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6689	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống	5ml	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6690	Neox	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-23
6691	Oxytoxin	Oxytoxin	Ống, chai	2ml, 50, 100ml	Tăng cường co bóp tử cung, kích thích tăng tiết sữa	HCM-X1-41
6692	VitaminC 1000	Vitamin C	Ống, chai	5, 50, 100ml	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-44
6693	Flumequine 10%	Flumequine	Gói, lon	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột	HCM-X1-48
6694	Babevita	Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ Chai	5ml, 10, 20, 50, 100ml	Cung cấp Vitamin, kích thích tăng trọng	HCM-X1-51
6695	Colistin Soluble	Colistin sulfate, Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6	Gói, lon	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng trị các bệnh do trực khuẩn G - gây nên	HCM-X1-55
6696	Anavet-C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X1-70
6697	Eugeca-C.D	Gentamycin, Colistin, Dexamethasone	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-72
6698	Analgin- Powder	Analgin	Gói	100; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt, an thần, kháng viêm trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-80
6699	Enrovall Powder	Enrofloxacin	Gói	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-75
6700	Amocoli	Amoxcillin, Colistin	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-59
6701	Ampi-Colivet	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-60

15. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y YAN WEN QING BẮC GIANG

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y MARPHAVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6702	Trị giun sán	Albendazol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Phòng trị bệnh giun tròn, sán lá, sán dây	WYQ-6
6703	Trị ho, trị khuẩn (Fubennicao)	Florfenicol	Túi	5g, 10g, 20, 50g, 100, 200g, 500g	Phòng và trị bệnh cho gia cầm do vi khuẩn gây ra	WYQ-8
6704	Trị cầu trùng	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Gói	20g, 50g, 100g, 500g	Trị cầu trùng trên gia cầm	WYQ-10

16. CÔNG TY TNHH TÂN MINH HÀ

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y ĐỨC HẠNH MARPHAVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6705	Thuốc chữa bệnh gà toi (THT)	Sulfadimezin, mộc hương, quế chi	Gói	5; 10; 100; 1000g	Chữa bệnh tụ huyết trùng và nhiễm khuẩn đường ruột gia cầm	TMH-1
6706	Tiêu chảy gia súc, gia cầm (Kfumin)	Sulfadimezin, bột đông y	Gói	5; 10; 20; 100g	Chữa bệnh tiêu chảy của gia súc, gia cầm	TMH-2

17. CÔNG TY CỔ PHẦN PROVET VIỆT NAM

NSX: CÔNG TY TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6707	Amoxpro-LA	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline trên gia súc, lợn, cừu, chó, mèo	PRO-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6708	Enrotril 10%	Enrofloxacine	Lọ	10; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn, Mycoplasma nhạy cảm với Enrofloxacine trên gia cầm	PRO-04
6709	Proenro 10%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm Enrofloxacine gây ra	PRO-06
6710	Promesul	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazine gây ra	PRO-07
6711	Prokana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, chó, mèo	PRO-11
6712	Protylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	PRO-14
6713	Promequin-LA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	PRO-15

18. CÔNG TY TNHH NAM DŨNG

NSX: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6714	Tetravit	Tetracycline HCl, Berberine, Vitamin B1, B2, B6	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị các bệnh toi, thương hàn, tiêu chảy, kiết lỵ, tụ huyết trùng	ND-13
6715	Colistop	Colistin sulfate	Lọ	10; 50; 100ml	Trị E.coli đường tiêu hóa gà, vịt	ND-16
6716	Mỡ ghẻ	Diethyl phtalate, Vitamin E	Lọ	20; 30; 40; 50; 100; 250g	Thuốc mỡ trị ghẻ	ND-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6717	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 20; 100ml	Tăng sức đề kháng	ND-27
6718	Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	Ống, lọ	5; 20; 100ml	Chữa các triệu chứng thiếu hụt Vitamin B1	ND-28
6719	B.complex inj	Vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Cung cấp Vitamin nhóm B	ND-34
6720	Tylosin inj	Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	ND-39
6721	Thuốc bại liệt Calcium fort 20% inj	Calcium gluconate, vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 100ml	Cung cấp canxi trị bại liệt	ND-40
6722	Analgin inj	Analgin	Ống	2; 5; 100ml	Hạ nhiệt, giảm sốt,chống nôn	ND-43
6723	B.Complex	Vitamin nhóm B	Gói	50; 100g; 1kg	Cung cấp vitamin nhóm B	ND-49
6724	Norflox	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-52
6725	Điện giải	Muối Na, K, Ca, Mg, Vitamin C	Gói	20; 50; 100; 300; 500g; 1kg	Cung cấp muối khoáng	ND-53
6726	Gentocine	Gentamycine, Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-54
6727	Kem Colidia	Neomycine, Colistin	Ống, lọ	10; 20; 30; 50; 100g	Trị phân trắng lợn con	ND-59
6728	TD. Leva	Levamysol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị giun	ND-65
6729	Ketomycine	Ketoconazole, Neomycine, Dexamethasone	Lọ, tuýp	10; 15; 20; 25; 50; 100g	Trị nấm ngoài da	ND-85
6730	TD.Glucose-C	Glucose; Vit C	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Cung cấp năng lượng và tăng sức đề kháng	ND-87
6731	ND.Flox	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị chướng diều, khô chân gia cầm	ND-96

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6732	Multivita	Vit: A, B1, B2, B5, B6, B12, D3, E, K, PP, Acid folic	Gói	100; 500g; 1kg	Cung cấp các Vitamin	ND-100
6733	Anti CD	Acid amin, B.complex, vit A, E, D3, acid folic, Biotine, Rotundine	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Chống mổ lông cắn đuôi nhau	ND-102
6734	Zinc-Plus	Zinc, Biotin, Vit: A, E, B2, PP, Acid folic	Túi	100; 500g; 1kg	Phòng các bệnh ở lông, móng, sừng	ND-109
6735	ND.Iodine	PVP Iodine, Potasium Iodine	Lọ, bình xịt	50; 100; 400; 500; 1000; 2000ml	Sát trùng ngoài da, chuồng trại	ND-111
6736	TD.Polivit	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B5, B6, B12, PP	Lọ	20; 100ml	Cung cấp các loại Vitamin	ND-117
6737	TD.Erycine	Erythromycin, Bromhexin, Vit C, Doxycyclin HCl	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị hen gà	ND-146
6738	TD.Anticox fort	Sulfadimidine sodium, Diaveridin	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g	Phòng và trị cầu trùng gia cầm và thỏ	ND-229

NSX: CÔNG TY TNHH TM - SX DƯỢC SONG VÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6739	Penicillin G	Penicillin G Potassium	Lọ	1.000.000UI	Trị nhiễm khuẩn chung	ND-01
6740	Steptomycine	Streptomycine sulphate	Gói	1g	Trị nhiễm khuẩn chung	ND-02
6741	Pen-sul	Sulfaguanidin, Penicillin	Lọ	10; 20; 30g	Trị nhiễm khuẩn ngoài da	ND-46
6742	Kana-Ampi	Kanamycine, Ampicillin sodium	Lọ, ống	1g	Hỗn hợp kháng sinh phổ rộng	ND-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6743	TD.Cefa	Cefalexine, Lidocaine	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-82
6744	TD.Coli-Amoxy	Amoxicillin, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn, gà	ND-83
6745	Penstep-Dexa	Penicillin, Streptomycine, Dexamethason	Lọ	1g	Hỗn hợp kháng sinh phổ rộng	ND-90
6746	ND.Strepdine	Streptomycine sulfate, Sulfaguanidine Atropin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250g; 1kg	Trị tiêu chảy gia súc, gia cầm	ND-135

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

VŨ VĂN TÁM

(Xem tiếp Công báo số 427 + 428)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng